

BÀI 1. LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Phần mở đầu

Quan sát hình 1, em hãy chỉ ra những điểm thay đổi theo thời gian của máy tính điện tử. Theo em sự thay đổi theo thời gian như vậy được hiểu là gì?

Hướng dẫn giải:

Những điểm thay đổi theo thời gian của máy tính điện tử: Từ những chiếc máy cũ kỹ, nhiều chi tiết linh kiện đến những chiếc máy hiện đại.

Sự thay đổi theo thời gian được gọi là Lịch sử.

1. Lịch sử là gì?

Khái niệm lịch sử được hiểu như thế nào? Nêu ví dụ cụ thể.

Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra và lịch sử còn được hiểu là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại quá khứ.

Ví dụ:

Quá trình hình thành và phát triển của loài người (từ vượn thành người)

Lịch sử xây dựng và phát triển của đất nước Việt Nam

Các triều đại nhà Triệu, Đinh, Lý, Trần

2. Vì sao phải học lịch sử?

1/ Nêu ý nghĩa hai câu thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh "Dân ta phải biết sử ta / Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"

2/ Theo em, việc biên soạn các tác phẩm như hình 2 có tác dụng gì?

3/ Vì sao phải học lịch sử?

Hướng dẫn giải:

1/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

“Biết sử ta” không phải chỉ đơn thuần là ghi nhớ một số sự kiện, một vài chiến công nói lên tiến trình đi lên của dân tộc hay ghi nhớ công lao của một số người làm nên sự nghiệp to lớn đó, mà còn phải biết tìm hiểu “cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”, tiếp nhận những nét đẹp của đạo đức, của đạo lý làm người Việt Nam. Vì chính đó là gốc của mọi sự nghiệp lớn hay nhỏ của dân tộc, không phải chỉ ở thời xưa mà ở cả ngày nay và mai sau.

2/ Việc biên soạn như hình 2 giúp làm phong phú hơn về số lượng các tác phẩm liên quan đến lịch sử. Giúp dễ dàng tiếp nhận kiến thức, tạo ra nhiều lựa chọn hơn cho độc giả.

3/ Học lịch sử giúp:

Học lịch sử giúp chúng ta tìm hiểu quá khứ, tìm về cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ,... và rộng hơn là của cả dân tộc, nhân loại.

Học lịch sử còn để đúc kết những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai.

Phần luyện tập và vận dụng

1. Nhà chính trị nổi tiếng của La Mã cổ đại Xi-xe-rông đã nói: "Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống". Em có đồng ý với nhận xét đó không? Vì sao?

2. Các bạn trong hình bên đang làm gì? Theo em, việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?

3. Hãy chia sẻ với thầy/cô giáo và các bạn các hình thức học lịch sử mà em biết; cách học lịch sử nào giúp em hứng thú và đạt hiệu quả tốt nhất.

4. Em hãy điều tra xem trong lớp có bao nhiêu bạn thích học môn Toán, môn Ngữ văn và môn Lịch sử. Theo em, các bạn thích học những môn khác có cần biết lịch sử không? Vì sao?

Hướng dẫn giải:

1/ Đồng ý với ý kiến vì:

Lịch sử cho ta biết về quá khứ của một dân tộc, nền văn hóa và truyền thống của một dân tộc, chủ quyền của đất nước. Qua đó nhắc nhở ta hãy nhớ về quá khứ của dân tộc mình, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và hơn hết nhắc nhở ta đấu tranh bảo vệ đất nước.

Lịch sử còn để đúc kết những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai

=> Chính vì vậy lịch sử xứng đáng được coi là thầy dạy của cuộc sống.

2/ Các bạn hình bên đang lau dọn lại các phần mộ. Đây là hành động thể hiện sự nhớ ơn và trân trọng những người đã khuất.

3/ Một số cách học lịch sử:

Đọc sách giáo khoa sau đó tự tóm tắt kiến thức chính vào vở

Đọc sách trước khi lên lớp và đọc lại vào buổi tối

Ghi các sự kiện vào giấy nhớ và dán lên khu vực bàn học

Vẽ sơ đồ tư duy, chỉ ghi ý chính, có thể mô tả bằng hình ảnh

Học cùng bạn bè trong giờ ra chơi

4/ Ai cũng cần biết lịch sử bởi tầm quan trọng và ý nghĩa của lịch sử trong cuộc sống, đặc biệt đối với học sinh. Lịch sử giúp ta nhìn lại quá khứ, biết ơn người đi trước và phấn đấu cho tương lai.

-----o0o-----

BÀI 2 DỰA VÀO ĐAU ĐỂ BIẾT VÀ PHỤC DỰNG LẠI LỊCH SỬ

1. Tư liệu hiện vật

Thế nào là tư liệu hiện vật? Từ hình 2 và 3, em hãy kể thêm một số tư liệu hiện vật mà em biết.

Hướng dẫn giải:

Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật, ... của người xưa còn lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất. Tuy đây chỉ là những hiện vật "câm", nhưng nếu biết khai thác, chúng có thể nói cho ta biết khá cụ thể và trung thực về đời sống vật chất và phần nào đời sống tinh thần của người xưa.

Một số tư liệu hiện vật:

Nhóm hiện vật lợp mái cung điện thời Lý được tìm thấy tại Hoàng thành Thăng Long

Ngói úp trang trí đôi chim phượng bằng đất nung tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long

Xe tăng, máy bay, khẩu pháo và một số súng thần công còn được lưu giữ tại bảo tàng lịch sử Thừa Thiên - Huế

Rìu đá, công cụ bằng đá

2. Tư liệu chữ viết

1/ Đoạn tư liệu trên cho em biết thông tin gì về thời đại Hùng Vương

2/ Em hiểu thế nào là tư liệu chữ viết? Vì sao bia Tiến sĩ ở Văn Miếu (hình 4) cũng được coi là tư liệu chữ viết?

Hướng dẫn giải:

1/ Đoạn thông tin này cho ta biết thông tin về tổ chức hành chính, tên gọi của người đứng đầu các bộ... Cụ thể: quốc hiệu là Văn Lang, đất nước chia làm 15 bộ, tướng văn là Lạc hầu, tướng võ là Lạc tướng, con gái vua là Mị Nương, con trai vua là Quan lang, hình thức nối ngôi: cha truyền con nối - Phụ đạo. Vua các đời đều gọi là Hùng Vương.

2/ Tư liệu chữ viết là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ. Các nguồn tài liệu này kể cho ta biết tương đối đầy đủ về các mặt của đời sống con người. Tuy nhiên, tư liệu chữ viết thường mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.

3. Tư liệu truyền miệng

1/ Thế nào là tư liệu truyền miệng

2. Hình 5 khiến em liên hệ đến truyền thuyết nào trong dân gian

Hướng dẫn giải:

1/ Tư liệu truyền miệng là những câu chuyện dân gian, truyền thuyết được kể truyền miệng từ

đời này qua đời khác gọi là tư liệu truyền miệng. Loại tư liệu này thường không cho biết chính xác về thời gian và địa điểm, nhưng phần nào phản ánh hiện thực lịch sử.

2/ Hình 5 khiến ta nhớ đến truyền thuyết Thánh Gióng

4. Tư liệu gốc

Em hiểu như nào là tư liệu gốc? Nêu ví dụ cụ thể.

Hướng dẫn giải:

Tư liệu gốc là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện lịch sử. Đây là nguồn tài liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử.

Ví dụ:

Cổ đô Huế

Đại Việt sử kí toàn thư

Trống đồng Đông Sơn

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Theo em, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết, tư liệu truyền miệng và tư liệu gốc có ý nghĩa gì và giá trị gì?

2/ Khai thác hình 2, 3, 4 và 5 trong bài học, hãy cho biết hình ảnh nào thuộc tư liệu gốc?

3/ Hãy kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết.

4/ Ở nhà em hoặc nơi em sinh sống có những hiện vật nào có thể giúp tìm hiểu lịch sử. Hãy giới thiệu ngắn gọn một hiện vật mà em thích nhất.

Hướng dẫn giải:

1/ Ý nghĩa và giá trị của sử liệu:

Sử liệu chính là phương tiện mà thông qua đó nhà sử học có thể nhận thức được những gì đã xảy ra trong quá khứ.

Các nguồn sử liệu là bằng chứng giúp các nhà sử học "dựng lại lịch sử" một cách chính xác và khách quan nhất.

Các nguồn tư liệu còn giúp ta hình dung về cuộc sống tinh thần và vật chất của cuộc sống con người, giúp lí giải một số hiện tượng, sự việc dựa trên những chứng cứ khoa học.

2/ Tư liệu gốc gồm hình: 1, 2, 3, 4

3/ Một số truyền thuyết liên quan đến lịch sử:

Phù Đổng Thiên Vương – Thánh Gióng

Sơn Tinh – Thủy Tinh

Bọc trăm trứng

Bánh Dầy – Bánh Chưng

Sự tích dưa hấu

Sự tích Chử Đồng Tử

Sự tích về Cột đá thề

Mị Châu - Trọng Thủy

-----o0o-----

BÀI 3. CÁCH TÍNH THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

Phần mở đầu

Hãy quan sát tờ lịch bên dưới và cho biết vì sao trên cũng một tờ lịch lại ghi hai ngày khác nhau?



1. Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

Tại sao phải xác định thời gian trong lịch sử? Con người thời xưa đã xác định thời gian bằng những cách nào?

Hướng dẫn giải:

- Cần xác định thời gian trong lịch sử vì:

Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ theo trình tự thời gian. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử, cần sắp xếp tất cả sự kiện theo đúng trình tự của nó.

Để đo đếm được thời gian, ta cần biết cách tính. Từ xa xưa, các dân tộc đã sáng tạo ra nhiều cách đo thời gian khác nhau.

- Một số cách xác định thời gian của người xưa: đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ mặt trời

2. Các cách tính thời gian trong lịch sử

1/ Muốn biết năm 2000 TCN cách đây bao nhiêu năm em sẽ tính như thế nào?

2/ Hãy cho biết các cách tính thời gian trong lịch sử

Hướng dẫn giải:

1/ Năm 2000 TCN cách đây 4021 năm. (Cách tính: ta lấy $2000 + 2021$ (năm hiện tại) = 4021)

2. Các cách tính thời gian trong lịch sử:

Từ xa xưa con người đã nghĩ ra cách làm lịch. Người Ai Cập, Lưỡng Hà hay Trung Quốc cổ đại và một số dân tộc phương Đông khác thì tính theo âm lịch, còn người La Mã và nhiều tộc người ở châu Âu,... thì theo dương lịch.

Âm lịch là hệ lịch được tính theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất

Dương lịch là hệ lịch được tính theo chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

Về sau, dương lịch đã được hoàn chỉnh và thống nhất để các dân tộc đều có thể sử dụng, đó là Công lịch. Công lịch lấy năm ra đời của Chúa Giê-su – tương truyền là người sáng lập ra đạo Ki-tô, là năm đầu tiên của Công nguyên. Ngay trước năm đó là năm 1 trước Công nguyên (TCN). Đồng thời còn có cách phân chia thời gian thành thập kỉ (10 năm), thế kỉ (100 năm) và thiên niên kỉ (1000 năm), tính từ năm đầu tiên của các khoảng thời gian đó.

Phân luyện tập và vận dụng

1. Các sự kiện dưới đây xảy ra cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

Khoảng thiên niên kỉ III TCN, người Ai Cập đã biết làm lịch.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40

2/ Các năm sau đây thuộc thế kỉ nào: 1792 TCN, 179 TCN, 40, 248, 542?

3/ Hãy kể những ngày nghỉ lễ theo âm lịch và dương lịch ở nước ta.

4/Hãy lựa chọn và sắp xếp những sự kiện quan trọng của cá nhân em trong khoảng năm năm gần đây theo đúng trình tự (có thể thể hiện trên trục thời gian).

Hướng dẫn giải:

1/

Khoảng thiên niên kỉ III TCN, người Ai Cập đã biết làm lịch: $3000 + 2021 = 5021$ năm

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40: $2021 - 40 = 1981$ năm

2/ 1792 TCN: Thế kỉ 18 TCN

179 TCN: Thế kỉ 2 TCN

40: Thế kỉ 1

248: Thế kỉ 3

542: Thế kỉ 5

3/ Những ngày nghỉ lễ dương lịch: 1/1 (Tết dương), ngày Quốc khánh 2/9, 30/4 Ngày giải phóng miền Nam thống nhất Đất nước - 1/5 (Quốc tế lao động)

Những ngày nghỉ lễ âm lịch: Tết âm, Giỗ tổ Hùng Vương 1/3

4/ Học sinh tham khảo các ngày liên quan đến các sự kiện sau: sinh nhật, ngày nhập học, được tặng món quà ý nghĩa, gặp lại bạn bè, người thân, ngày xem một bộ phim mà em thích nhất, ngày được điểm cao, ngày tâm trạng tệ nhất,...

.....
BÀI 4, NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Phần mở đầu

Các em có biết tại sao người châu Phi có làn da đen, người châu Á da vàng, còn người châu Âu da lại trắng? Liệu họ có cùng chung một nguồn gốc hay không? Nếu có thì từ đâu mà ra?

1. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người

Dựa vào hình trên và trục thời gian (tr.16), em hãy cho biết quá trình tiến hóa từ vượn thành người đã trải qua các giai đoạn nào? Cho biết niên đại tương ứng của các giai đoạn đó.

Hướng dẫn giải:

Quá trình tiến hoá từ vượn thành người đã diễn ra cách đây hàng triệu năm.

Ở chặng đầu của quá trình đó, cách ngày nay khoảng 5 – 6 triệu năm, đã có một loài Vượn người sinh sống. Từ loài Vượn người, một nhánh đã phát triển lên thành Người tối cổ.

Khoảng 4 triệu năm trước đến khoảng 15 vạn năm thì Người tối cổ biến đổi thành Người tinh khôn.

2. Những dấu tích của quá trình chuyển biến từ vượn thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam

Hãy chỉ ra những dấu tích của Người tối cổ được tìm ở Đông Nam Á trên lược đồ (hình 3, tr.18). Những dấu tích đó chứng tỏ điều gì?

Hướng dẫn giải:

Di cốt của loài Vượn người sống cách ngày nay khoảng 5 triệu năm đã được tìm thấy ở Mi-an-ma và In-đô-nê-xi-a. Đặc biệt, hoá thạch phát hiện trên đảo Gia-va - In-đô-nê-xi-a có niên đại khoảng 2 triệu năm là dấu vết xưa nhất của Người tối cổ ở Đông Nam Á. Di cốt, mảnh di cốt và những công cụ đá của Người tối cổ còn được tìm thấy ở Thái Lan, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a. Chiếc sọ Người tinh khôn tìm thấy ở hang Ni-a (Ma-lai-xi-a) có niên đại khoảng 4 vạn năm.

Ở Việt Nam di chỉ đồ đá được tìm thấy ở Thẩm Khuyên - Thẩm Hai (Lạng Sơn), Núi Đọ (Thanh Hóa), Sơn Vi (Phú Thọ), An Khê (Gia Lai), Xuân Lộc (Đồng Nai), di cốt hóa thạch được tìm thấy ở Lạng Sơn.

Những di cốt đó chứng tỏ sự xuất hiện sớm của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam nói riêng và khu vực Đông Nam Á nói chung.

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Từ những thông tin và hình ảnh trong bài học, hãy cho biết những bằng chứng nào chứng tỏ ở khu vực Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra quá trình tiến hoá từ Vượn thành người?

2/ Quan sát hình 2 (tr. 17), em thấy Vượn người, Người tinh khôn và Người tối cổ có điểm gì khác nhau?

3/ Làm việc theo nhóm: Hãy sưu tầm tư liệu và xây dựng một bài giới thiệu bằng hình ảnh kèm theo lời chủ giải thể hiện quá trình phát triển của người nguyên thủy trên thế giới hoặc ở Việt Nam.

Hướng dẫn giải:

1/ Khu vực Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra quá trình tiến hoá từ Vượn thành người vì tại khu vực này có dấu tích của Người tối cổ đã được tìm thấy. Đó là những di cốt hóa thạch và công cụ đá do con người chế tạo ra.

2/ Sự khác nhau giữa Vượn người, Người tinh khôn và Người tối cổ:

Vượn người: đi đứng = 2 chân, 2 chi trước có thể cầm nắm

Người tinh khôn: Hoàn toàn đi đứng bằng 2 chân, đôi tay tự do cầm nắm công cụ, có cấu tạo cơ thể như người ngày nay

Người tối cổ: Đi và đứng bằng 2 chân, 2 tay có thể cầm nắm, trán thấp bẹt ra sau, u mào cao, hộp sọ lớn hình thành trung tâm phát triển não.

3/ HS tự làm

-----o0o-----

BÀI 5. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Phân mở đầu

Có một bức tranh được cho là của người nguyên thủy vẽ cảnh đi săn trên vách hang Loto Ca-ba-lôt (Tây Ban Nha), với niên đại khoảng 10 000 năm trước. Một số người cho rằng người nguyên thủy sống như những bầy động vật hoang dã, lang thang trong các khu rừng rậm, không có tổ chức, ăn sống nuốt tươi,... Liệu trong thực tế có đúng như vậy không?

1. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy

1/ Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

2/ Dựa vào bảng trên, hãy cho biết đời sống vật chất tinh thần và tổ chức xã hội của Người tối cổ và Người tinh khôn

Hướng dẫn giải:

1/ Xã hội nguyên thủy kéo dài hàng triệu năm và trải qua 2 giai đoạn phát triển: bầy người nguyên thủy và công xã thị tộc.

2/ Người tối cổ

Người tối cổ:

- Đời sống kinh tế: Biết ghè đẽo đá làm công cụ, tạo ra lửa, sống trong hang động, dựa vào săn bắt và hái lượm.

- Đời sống tinh thần: Làm đồ trang sức như vòng đeo tay bằng vỏ ốc hay răng thú xuyên lỗ, vẽ trang lên vách đá...

- Tổ chức xã hội: Sống thành bầy khoảng vài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động và cùng chăm sóc con cái

Người tinh khôn:

- Đời sống kinh tế: Sống quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, chục người, có có cùng dòng máu, làm chung, hưởng chung. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau tạo thành bộ lạc.

- Đời sống tinh thần: Làm đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng đá, làm tượng bằng đá hoặc đất nung, vẽ tranh trên vách đá,... Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.

- Tổ chức xã hội: Biết mài đá để tạo ra công cụ sắc bén hơn, biết chế tạo cung tên, làm đồ gốm, dệt vải và trồng trọt, chăn nuôi biết dựng lều bằng cành cây hoặc xương thú để ở.

2. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam

1. Quan sát hình 3 (tr. 21) và so sánh với công cụ bằng đá ở Núi Đọ (hình ,4 tr.19), em nhận thấy kỹ thuật chế tác công cụ giai đoạn Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn?

2/ Khai thác kênh hình và thông tin ở mục 2, hãy cho biết những nét chính về đời sống và vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam

Hướng dẫn giải:

1/ Công cụ bằng đá ở Bắc Sơn tiến bộ hơn chứng tỏ họ đã biết cải tiến công cụ. Từ chỗ chỉ biết ghè đẽo, họ đã biết mài đá, tạo ra nhiều loại công cụ khác nhau. Các công cụ này nhọn, sắc hơn, dễ cầm nắm, thuận tiện cho lao động và mang lại năng suất cao hơn.

2/

Đời sống vật chất: Họ sống chủ yếu trong các hang động, mái đá hoặc các túp lều lợp bằng cỏ khô hay lá cây. Nguồn thức ăn chủ yếu của họ ngày càng phong phú, bao gồm cả những sản phẩm săn bắn, hái lượm và tự trồng trọt, chăn nuôi

Đời sống tinh thần:

- Trong các di chỉ, người ta đã tìm thấy nhiều viên đất nung có dùi lỗ và xâu thành chuỗi, nhiều vỏ ốc biển được mài thủng, có thể xâu dây làm đồ trang sức, những bộ đàn đá, vòng tay,.. Hoa văn trên đồ gốm cũng dần mang tính chất nghệ thuật, trang trí.

- Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện các mộ táng, có chôn theo cả công cụ và đồ trang sức.

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Theo em, lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thủy?

2/ Đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tinh khôn có những điểm nào tiến bộ hơn so với Người tối cổ?

3/ Tìm trên lược đồ hình 4 (tr.22) kết hợp với tra cứu thông tin từ sách, báo và internet, hãy cho biết các di tích thời đồ đá được phân bố ở những tỉnh nào ngày nay và sự phân bố đó nói lên điều gì.

Hướng dẫn giải:

1/ Lao động giúp tạo ra thức ăn, của cải cho con người

Trong quá trình lao động, tìm kiếm thức ăn, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để trở thành Người hiện đại. Nhờ có lao động, con người đã từng bước tự cải biến, hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn.

2/ So với đời sống của Người tối cổ, đời sống của Người tinh khôn có sự tiến bộ hơn:

- Không sống theo bầy mà theo từng thị tộc: các nhóm nhỏ, gồm vài chục gia đình, có họ hàng gần gũi với nhau. Những người cùng thị tộc đều làm chung, ăn chung và giúp đỡ lẫn nhau trong mọi công việc.

- Biết trồng rau, trồng lúa, chăn nuôi gia súc, dệt vải, làm đồ gốm và đồ trang sức như vòng tay, vòng cổ.

- Đời sống được cải thiện hơn, thức ăn kiếm được nhiều hơn và sống tốt hơn, vui hơn.

3/

Di tích thời đồ đá được phân bố ở những tỉnh sau: Thanh Hóa (Núi Đọ), Quảng Ninh (Hạ Long), Phú Thọ, Vĩnh Yên, Hòa Bình, Hà Tây, Hải Phòng, Hà Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Quảng Bình, Đồng Nai, Bình Phước...

Ý nghĩa: Các di tích thời đồ đá được tìm thấy ở miền núi, trung du và đồng bằng, ven các con sông lớn như sông Hồng, sông Mêkong, khu vực ven biển... Vì điều kiện đồng bằng là nơi rất thích hợp cho lúa nước hoang và sau này là lúa nước trồng. Các khu vực miền núi tập trung nhiều hang động, là nơi sinh sống; cung cấp nguồn thức ăn do săn bắt hái lượm.

-----o0o-----

BÀI 6. SỰ CHUYỂN VÀ PHÂN HOÁ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Phần mở đầu

Trong đời sống thường ngày, chúng ta sử dụng rất nhiều các vật dụng được làm từ đồng và sắt, bởi các nguyên liệu này đã trở nên rất quen thuộc và cần thiết đối với con người từ rất lâu đời.

Em hãy kể tên một số vật dụng đó. Em có biết các nguyên liệu đồng và sắt được phát hiện như thế nào, từ bao giờ và chúng đã làm thay đổi đời sống xã hội ra sao?

1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy?

1/ Nêu quá trình con người phát hiện ra kim loại

2/ Hãy chỉ ra những thay đổi trong đời sống xã hội khi công cụ bằng kim loại xuất hiện.

3/ Vì sao xã hội nguyên thủy ở các nước phương Đông phân hoá nhưng lại không triệt để?

Hướng dẫn giải:

1/ Quá trình con người phát hiện ra kim loại:

Vào khoảng thiên niên kỉ thứ IV TCN, người nguyên thủy đã phát hiện ra một loại nguyên liệu mới để chế tạo công cụ và vũ khí thay thế cho đồ đá. Đó là kim loại.

Vào khoảng 3500 năm TCN: Người Tây Á và Ai Cập đã biết dùng đồng đỏ

Khoảng 200 năm TCN: Cư dân nhiều nơi đã biết dùng đồng thau

Khoảng cuối thiên niên kỉ thứ II - đầu thiên niên kỉ thứ I TCN: Con người biết chế tạo các công cụ bằng sắt

2/ Những thay đổi trong đời sống xã hội khi công cụ bằng kim loại xuất hiện:

Trong thị tộc, đàn ông dần đảm nhiệm những công việc nặng nhọc nên có vai trò lớn và trở thành chủ gia đình. Con cái lấy theo họ cha. Đó là các gia đình phụ hệ. Một số gia đình có xu hướng tách khỏi công xã thị tộc, đến những nơi thuận lợi hơn để sinh sống. Công xã thị tộc dần bị thu hẹp.

Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của cải dư thừa, xã hội dần có sự phân hoá kẻ giàu, người nghèo. Xã hội nguyên thủy dần tan rã. Loài người đứng trước ngưỡng cửa của xã hội có giai cấp và nhà nước.

Tuy nhiên, quá trình này diễn ra không đều ở các khu vực trên thế giới.

3/ Ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc,...), quá trình phân hoá nhưng không triệt để do người nguyên thủy ở khu vực này sinh sống ven các con sông lớn, cư dân phải liên kết với nhau trong các cộng đồng vốn là các công xã thị tộc để làm thủy lợi và chống ngoại xâm. Tính có kết cộng đồng và nhiều tập tục của xã hội nguyên thủy vẫn tiếp tục được bảo lưu. Do vậy, xã hội nguyên thủy phân hoá sớm hơn so với các nơi khác nhưng không triệt để.

2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam

1/ Thời đại đồ đồng ở Việt Nam đã trải qua những nền văn hoá khảo cổ nào?

2/ Quan sát hình 5, hãy kể tên một số công cụ, vũ khí được tìm thấy thuộc văn hoá Gò Mun.

3/ Thời kỳ này, đời sống kinh tế, xã hội của cư dân có những biến đổi gì?

Hướng dẫn giải:

1/ Thời đại đồ đồng ở Việt Nam đã trải qua những nền văn hoá khảo cổ:

Từ khoảng 4000 năm trước, cư dân ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ đã biết tới đồ đồng

2000 TCN: Văn hoá Phùng Nguyên (Bắc Bộ): Đã tìm thấy những mẫu gươm, mũi đồng thau nhỏ, mảnh vòng hay đoạn dây chì

1500 TCN:

+ Văn hoá Đông Sơn (Bắc Bộ): Hiện vật bằng đồng khá phổ biến gồm: đục, dùi, cày, dao, mũi tên, lưỡi câu...

+ Văn hoá tiền Sa Huỳnh (Trung Bộ): Hiện vật bằng đồng như đục, lao, mũi tên, lưỡi câu,

1000 TCN:

+ Văn hoá Gò Mun (Bắc Bộ): Hiện vật đồng chiếm hơn một nửa hiện vật tìm được, bao gồm: vũ khí (mũi tên, dao, giáo...), lưỡi câu, dùi, rìu (đặc biệt rìu lưỡi xéo), đục,...

+ Văn hoá Đông Sơn (Nam Bộ): Hiện vật bằng đồng như rìu, giáo, lao có ngạnh, mũi tên, lưỡi câu...

2/ Một số công cụ, vũ khí được tìm thấy thuộc văn hoá Gò Mun: rìu, liềm, giáo, mũi tên, lao, dao... Hầu hết những công cụ và vũ khí bằng đồng của người Gò Mun đều có huyệt, chuôi, hoặc

khâu để lắp cán

3/ Thời kỳ này, đời sống kinh tế, xã hội của cư dân có những biến đổi:

Đời sống kinh tế: Việc sử dụng các công cụ bằng kim loại đã giúp cho người nguyên thủy mở rộng địa bàn cư trú. Một số đã rời khỏi vùng trung du, chuyển xuống các vùng đồng bằng ven sông. Họ đã biết dùng cây gỗ có lắp lưỡi bằng đồng để cây ruộng, trồng lúa, dùng lưỡi hái để gặt.

Đời sống xã hội: Sự phát triển kinh tế đã dẫn đến phân hoá trong đời sống xã hội. Cuộc sống của người nguyên thủy ngày càng ổn định. Họ định cư lâu dài ven các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Thu Bồn, sông Đồng Nai,... Ở đây đã hình thành những khu vực dân cư đồng đúc, chuẩn bị cho sự xuất hiện các quốc gia cổ đầu tiên trên đất nước Việt Nam.

Phân luyện tập và vận dụng

1/ Sự xuất hiện của kim loại đã có tác động như thế nào tới đời sống của con người?

2 Lập bảng theo mẫu sau và điền những nội dung phù hợp.

Nền văn hóa	Niên đại	Công cụ tìm thấy
Phùng nguyên	?	?
Đồng Đậu	?	?
Gò Mun	?	?
Tiền Sa Huỳnh	?	?
Đồng Nai	?	?

2/ Hãy tìm hiểu thêm và cho biết nguyên liệu đồng hiện nay còn được sử dụng vào những việc gì. Tại sao các loại công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống?

Hướng dẫn giải:

1/ Sự xuất hiện của kim loại đã có tác động tới đời sống của con người:

a) Sự phát hiện ra kim loại và những chuyển biến trong đời sống vật chất

Vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, người nguyên thủy đã phát hiện ra một loại nguyên liệu mới để chế tạo công cụ và vũ khí thay thế cho đồ đá. Đó là kim loại.

Nhờ có công cụ mới bằng kim loại như lưỡi cày, rìu, cuốc...con người có thể khai hoang, mở rộng diện tích trồng trọt. Nông nghiệp dùng cày và chăn nuôi súc vật phát triển. Nghề luyện kim và chế tạo đồ đồng yêu cầu kĩ thuật cao cùng với nghề dệt vải, làm đồ gốm, đồ mộc,... dần trở thành ngành sản xuất riêng. Quá trình chuyên môn hoá trong sản xuất lại có tác dụng thúc đẩy năng suất lao động, tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều cho xã hội. Con người không chỉ đủ ăn mà còn có của cải dư thừa

b) Sự thay đổi trong đời sống xã hội

Trong thị tộc, đàn ông dần đảm nhiệm những công việc nặng nhọc nên có vai trò lớn và trở thành chủ gia đình. Con cái lấy theo họ cha. Đó là các gia đình phụ hệ. Một số gia đình có xu hướng tách khỏi công xã thị tộc, đến những nơi thuận lợi hơn để sinh sống. Công xã thị tộc dần bị thu hẹp.

Cùng với sự kết hiện ngày càng nhiều của cải dư thừa, xã hội dần có sự phân hoá kẻ giàu, người nghèo. Xã hội nguyên thủy dần tan rã. Loài người đứng trước ngưỡng cửa của xã hội có giai cấp và nhà nước.

2 Lập bảng theo mẫu sau và điền những nội dung phù hợp.

Nền văn hóa	Niên đại	Công cụ tìm thấy
Phùng nguyên	2000 TCN	những mẫu gỉ đồng, mẫu đồng thau nhỏ, mảnh vòng hay đoạn dây chì
Đồng Đậu	1500	Hiện vật bằng đồng khá phổ biến gồm: đục, dùi, cần dao,

	TCN	mũi tên, lưỡi câu...
Gò Mun	1000 TCN	vũ khí (mũi lên, dao, giáo..), lưỡi câu, dùi, rìu (đặc biệt rìu lưỡi xéo), đục
Tiền Sa Huỳnh	1500 TCN	Hiện vật bằng đồng như đục, lao, mũi tên, lưỡi câu,
Đồng Nai	1000 TCN	Hiện vật bằng đồng như rìu, giáo, lao có ngạnh, mũi tên, lưỡi câu...

2/ Nguyên liệu đồng hiện nay còn được sử dụng vào những việc:

Đồng là vật liệu dễ dát mỏng, dễ uốn, có khả năng dẫn điện và dẫn nhiệt tốt, vì vậy nó được sử dụng một cách rộng rãi trong sản xuất các sản phẩm: Dây điện, Que hàn đồng, Tay nắm và các đồ vật khác trong xây dựng nhà cửa, Đúc tượng: Ví dụ tượng Nữ thần Tự Do, chứa 81,3 tấn (179.200 pound) đồng hợp kim, Cuộn từ của nam châm điện, Động cơ, đặc biệt là các động cơ điện, trong đồ nhà bếp, chẳng hạn như chảo rán

Đồ đồng là những sản phẩm làm từ nguyên liệu bằng đồng ví dụ như tượng đồng, tranh đồng, trống đồng... Từ lâu đồ đồng đã được dùng như là những dụng cụ, đồ vật trang trí trong nhà không thể thiếu của người Việt Nam chúng ta.

Trong tín ngưỡng, văn hóa dân gian: dùng đồng để làm đồ thờ cúng trong ban thờ gia tiên như: hoành phi câu đối bằng đồng, bộ đồ thờ cúng bằng đồng, đỉnh đồng, lư đồng, hạc đồng...

Đồ đồng mỹ nghệ là những sản phẩm mỹ nghệ làm từ đồng ví dụ như: tượng đồng, tranh đồng, trống đồng...

Đồ đồng phong thủy là những vật phẩm, linh vật, tượng... làm từ đồng.

- Công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống vì:

Công cụ, vũ khí bằng đồng thường có khối lượng lớn, tốn nhiều sức

- Không mang lại hiệu quả cao (tốc độ, sức tàn phá...) như các loại vũ khí hiện đại (súng, pháo, mìn...)

Khó bảo quản, thời gian sử dụng ngắn

oOo

BÀI 7. AI CẬP VÀ LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

Phân mở đầu



▲ Hình 1. Chữ viết trên giấy Pa-pi-rut của người Ai Cập

Dưới đây là những hình ảnh mô tả chữ viết của người Ai Cập và Lương Hà cổ đại. Em có biết người Ai Cập, Lương Hà đã sáng tạo ra loại chữ viết này thế nào không? Họ đã xây dựng nền văn minh của mình trong điều kiện ra sao?

1. Tặng phẩm của những dòng sông

1/ Dựa vào hai đoạn tư liệu (tr30), hãy chỉ ra những điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.

2/ Hình 4 cho em biết điều gì về sản xuất nông nghiệp của người Ai Cập cổ đại?

3/ Cư dân Ai Cập và Lưỡng Hà đã khai thác thế mạnh của điều kiện tự nhiên để phát triển những ngành kinh tế nào?

Hướng dẫn giải:

1/ Điều kiện tự nhiên ở Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại:

Ai Cập nằm ở vùng Đông Bắc của châu Phi, nơi có dòng sông Nin chảy qua. Lưỡng Hà là tên gọi vùng đất giữa hai con sông O-phrát và Tigơ ở khu vực Tây Nam Á.

(Giữa khu vực Tây Á có 2 con sông lớn – Sông Tigơ và sông Ophorát – bắt nguồn từ miền rừng núi Ácmêni chảy xuôi bên nhau, rồi cùng đổ ra vịnh Pécxích (Vịnh Ba Tư). Vùng bình nguyên nằm giữa 2 sông đó – ở hạ và trung lưu – thường được gọi là Mêđôpôtami (Mésopotamie) "miền đất giữa hai con sông" (hay Lưỡng Hà). Phía bắc và phía đông bình nguyên Mêđôpôtami có dãy núi biên giới Ácmêni và cao nguyên Iran chắn chắn, phía tây giáp thảo nguyên Xiri và sa mạc Arabi, phía nam là vịnh Pécxích. Vùng này có khí hậu lục địa, ngày rất nóng, đêm rất lạnh, ít mưa)

Giống như Sông Nin ở Ai Cập, hai sông Tigơ và Ophorát có vai trò rất quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của các quốc gia ở khu vực Lưỡng Hà. Hàng năm, vào mùa xuân, băng tuyết ở vùng núi rừng Ácmêni tan ra, lũ đổ về xuôi, làm mực nước hai con sông ấy dâng cao, gây nên những trận lũ lụt khủng khiếp ở lưu vực Lưỡng Hà. Nước rút đi, còn lại lớp phù sa màu mỡ, dày đặc thích hợp cho việc gieo trồng lúa mạch lúa mì. Tigơ và Ophorát còn tạo ra những con đường thương mại cầu nối giữa vùng Hắc Hải – vịnh Ba Tư và giữa Địa Trung Hải với phương Đông, tạo nên hành lang giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các quốc gia Đông – Tây.

Khí hậu Lưỡng Hà nóng và khô. Lượng mưa hàng năm không đáng kể; do vậy nông nghiệp chủ yếu được tiến hành trên những vùng đất đã được nước sông tưới tiêu tự nhiên hay bằng sức lao động của con người. Từ xa xưa, cư dân Lưỡng Hà đã chăm lo tới công tác thủy lợi, đào kênh mương để tưới tiêu cho đồng ruộng. Lưỡng Hà hầu như không có kim loại và mỏ đá quý, đó chính là khó khăn và thua thiệt đáng kể của Lưỡng Hà so với các nước khác. Bù lại, Lưỡng Hà lại có khá nhiều đất sét tốt, nguồn nguyên liệu chủ yếu để phát triển nghề gốm, gạch, sứ của Lưỡng Hà sau này.

Thiên nhiên đã ưu đãi Lưỡng Hà, cây chà là rất quý hiếm, quả dễ ăn, vỏ dễ đan lát và hạt có thể dùng để đốt thay than

2/ Hình 4 cho em biết điều gì về sản xuất nông nghiệp của người Ai Cập

Trên những cánh đồng rộng lớn do phù sa các sông bồi đắp, người Ai Cập và Lưỡng Hà đã biết làm nông nghiệp. Họ đã phát minh ra cái cày, biết sử dụng sức kéo của động vật để cày ruộng.

Họ trồng trọt lương thực, hoa quả thay vì hái lượm trong tự nhiên.

3/ Cư dân Ai Cập và Lưỡng Hà đã khai thác thế mạnh của điều kiện tự nhiên để phát triển những ngành kinh tế:

Ngành nông nghiệp: Họ trồng trọt trên những cánh đồng lớn do phù sa các sông bồi đắp. Từ đó họ phát minh ra cái cày, biết sử dụng sức kéo của động vật để cày ruộng

Hệ thống tưới tiêu: để trị thủy các dòng sông và dẫn nước vào ruộng, cư dân Ai Cập, Lưỡng Hà đã biết đắp đê, đào hồ và làm hệ thống kênh mương tưới tiêu,

Ngành thương mại qua các con sông: Các dòng sông cũng được khai thác trở thành những tuyến đường giao thương chính, nối liền giữa các vùng, thúc đẩy thương mại ở Ai Cập và Lưỡng Hà phát triển.

2. Hành trình lập quốc của người Ai Cập và Lưỡng Hà

Dựa vào thông tin trên mạng và khai thác trực thời gian (tr.29), hãy nêu quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà

Hướng dẫn giải:

1/ Quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà:

Nhà nước Ai Cập: Khoảng năm 3200 TCN, ông vua huyền thoại có tên là Mô-nét đã thống

nhất các công xã (còn gọi là các nô) thành Nhà nước Ai Cập. Từ đó, Ai Cập đã trải qua các giai đoạn: Tảo kì vương quốc, Cổ vương quốc, Trung vương quốc, Tân vương quốc và Hậu kì vương quốc. Đến giữa thế I TCN thì bị La Mã xâm lược và thống trị. Ở Ai Cập, vua được gọi là Pha-ra-ông-Kẻ ngự trong cung điện,

Ở Lưỡng Hà, vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, người Xu-me đến định cư và xây dựng các nhà nước thành bang tại vùng hạ lưu hai dòng sông. Sau đó người Ác-cát. At-xi-ri, Babylon,... đã thành lập vương triều của mình, thay nhau làm chủ vùng đất này cho đến khi bị Ba Tư xâm lược vào thế kỷ III TCN. Ở Lưỡng Hà vua được gọi là En-xi.

Nhà nước do vua đứng đầu và có toàn quyền gọi là nhà nước quân chủ chuyên chế.

3. Những thành tựu văn hóa chủ yếu

Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà

Hướng dẫn giải:

Người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại có nhiều phát minh quan trọng còn có giá trị đến ngày nay như cách làm thủy lợi, phát minh ra cái cây, bánh xe, chữ viết,..

- Những thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập:

Phát minh ra giấy: Người Ai Cập đã dùng thân cây Pa pi-rut để tạo giấy. Từ "paper" (giấy viết trong tiếng Anh) có gốc từ "Papyrus". Người Lưỡng Hà dùng những vật nhọn có hình tam giác làm "bút" rồi viết lên tấm đất sét ướt tạo thành chữ giống hình cái nêm nên gọi là chữ hình nêm.

Chữ viết: Người Ai Cập dùng hình vẽ thực để biểu đạt ý niệm gọi là chữ tượng hình (hình 1, tr.29).

Toán học: Người Ai Cập đã biết làm các phép tính theo hệ đếm thập phân.

Phát minh ra lịch: Họ cũng biết làm lịch, một năm có 12 tháng, một tháng có 29 hoặc 30 ngày.

Kỹ thuật ướp xác của người Ai Cập cũng còn nhiều điều bí ẩn mà ngày nay các nhà Khoa học đang tìm lời giải đáp.

Kiến trúc: Kim tự tháp và tượng Nhân sư

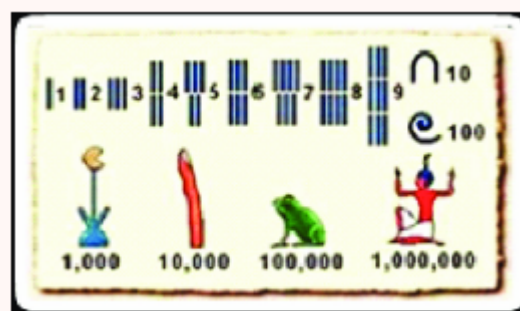
- Những thành tựu văn hóa chủ yếu của Lưỡng Hà:

Chữ viết: Người Lưỡng Hà dùng chữ hình nêm. Đó là loại chữ cổ nhất thế giới

Toán học: Người Lưỡng Hà thì theo hệ đếm 60, từ đó, người Lưỡng Hà phân chia 1 giờ thành 60 phút và 1 phút gồm 60 giây, tính được diện tích các hình

Kiến trúc: Vườn treo Ba-bi-lon

Phần luyện tập và vận dụng



1/ Từ các hình ảnh và thông tin ở mục 3, em ấn tượng nhất với thành tựu văn hoá nào của người Ai Cập và Lưỡng Hà? Vì sao?

2/ Em hãy nêu một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

3/ Dựa vào bảng chữ số của người Ai Cập dưới đây em hãy làm phép tính: $124 + 321 = ?$ và $1565 - 1243 = ?$ theo cách viết của người Ai Cập cổ đại.

Hướng dẫn giải:

1/ Ấn tượng nhất với Kim tự tháp ở Ai Cập.

Kim tự tháp Kê-ốp cao tới 147m. Để xây dựng công trình này, người ta sử dụng tới 2,3 triệu

tầng đá, mỗi tầng nặng từ 2,5 đến 4 tấn được ghè đẽo theo kích thước đã định, rồi mài nhẵn và xếp chồng lên nhau hàng trăm tầng mà không dùng bất cứ vật liệu kết dính nào. Trải qua hàng nghìn năm, đến nay các kim tự tháp vẫn đứng vững như muốn thách thức với thời gian.

2/ Một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại:

Hệ đếm 60 và 1 giờ có 60 phút: Người dân Lưỡng Hà sử dụng hệ thống số đếm 60. Từ đó, người Lưỡng Hà phân chia 1 giờ thành 60 phút và 1 phút gồm 60 giây. Cũng chính nhờ vào cơ số 60, vòng tròn được chia thành 360 độ.

Toán học: Từ xưa, người Lưỡng Hà cổ đại biết cách làm 4 phép tính cộng trừ nhân chia, biết phân số, lũy thừa, căn số bậc hai và căn số bậc 3. Họ biết lập bảng căn số để tra cứu và biết giải phương trình có 3 ẩn số. Họ biết tính diện tích nhiều hình và biết cả quan hệ giữa 3 cạnh trong tam giác rất lâu trước khi Pitago (sống vào những năm 500 TCN) chứng minh điều này.

Lịch âm 12 tháng: Những nhà thiên văn học người Babylon (một bộ phận của nền văn minh Lưỡng Hà) có thể dự đoán các kỳ nhật nguyệt thực và các điểm chí trong năm. Cũng chính họ đưa ra ý tưởng lịch 12 tháng dựa trên chu kỳ Mặt Trăng. Đây là cơ sở cho loại lịch âm dương mà chúng ta sử dụng ngày nay. Không lâu sau, người Ai Cập học hỏi loại lịch 12 tháng này nhưng áp dụng với Mặt Trời.

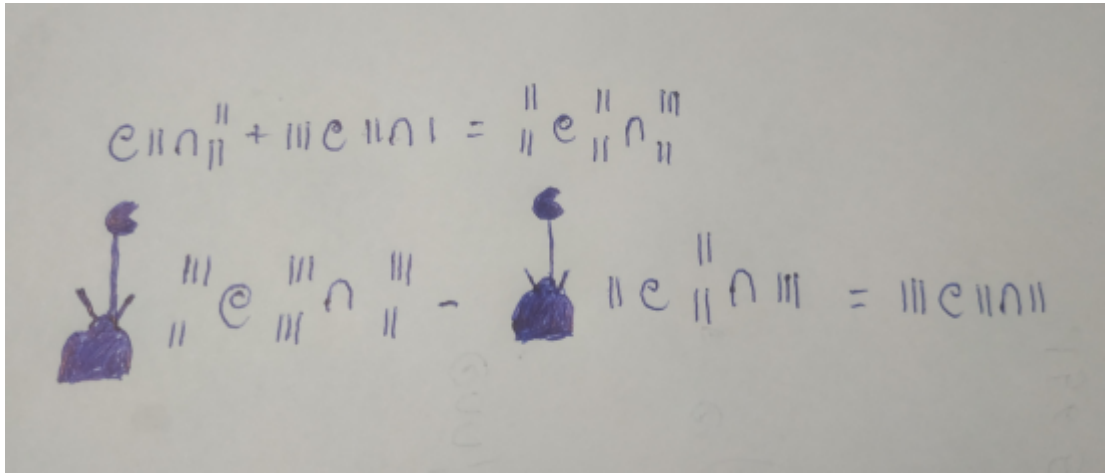
Bánh xe và xe kéo: Người Lưỡng Hà trong những năm 3.000 TCN là những cư dân đầu tiên chế tạo một phương tiện di chuyển nhờ vào sức kéo động vật. Đến khoảng năm 2.000 TCN, xe kéo mới du nhập vào Trung Quốc. Xe kéo nguyên bản là một cỗ xe 2 hoặc 4 bánh được kéo bởi 2 hay nhiều con ngựa buộc sát cạnh nhau, được điều khiển bởi một người đánh xe. Cỗ xe được sử dụng trong nhiều mục đích như vận chuyển, diễu hành, thi đấu thể thao và cả trong chiến tranh. Xe kéo xuất hiện ở nền văn minh Lưỡng Hà cũng là điều dễ hiểu khi nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính cư dân Lưỡng Hà là người sáng tạo ra bánh xe những năm 3.500 TCN phục vụ cho hoạt động sản xuất và vận tải.

Thuyền buồm: Do nhu cầu giao thương hàng hóa, người Sumer nhận thấy di chuyển bằng đường bộ mất nhiều thời gian và không vận chuyển được hàng hóa số lượng lớn. Người Sumer chế tạo ra một loại thuyền hình vuông có một cột cao gắn vải để nhờ sức gió di chuyển vượt các sông Tigris và Euphrates.

Lưỡi cày: Do nằm ở vùng đồng bằng rộng lớn giữa 2 con sông, nông nghiệp vẫn là ngành cơ bản của nền văn minh Lưỡng Hà. Người dân nơi đây có nhiều phát minh cho nông nghiệp, một trong số đó là lưỡi cày. Lưỡi cày đầu tiên được làm bằng gỗ, hình dạng đơn giản vào những năm 6.000 TCN. Buổi ban đầu, dụng cụ thường dính đất đá khi cày xong nên phải dùng tay gỡ đất. Lưỡi cày cũng không hoạt động tốt trong khu vực cỏ mọc quá dày. Dần dần, các cư dân Lưỡng Hà phát triển lưỡi cày cho hiệu quả tốt hơn. Phát minh này đóng góp nhiều cho trồng trọt, đảm bảo cuộc sống nông nghiệp định thay vì hình thức du canh du cư

Bản đồ: Lưỡng Hà là vùng đất sử dụng bản đồ sớm nhất trên thế giới, trong đó bản đồ cổ nhất được phát hiện có niên đại khoảng 2300 năm TCN. Bản đồ này được khắc trên đất sét, mô tả vùng đất Akkadian ở Lưỡng Hà. Bản đồ được sử dụng như bản đồ thành phố, dùng trong quân sự hay trong thương mại. Dù là người phát minh nhưng trình độ làm bản đồ của người Lưỡng Hà không bằng người Hy Lạp, Roma sau này.

3/ Hướng dẫn:



BÀI 8. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

Phần mở đầu

Tắm nước sông Hằng (Cum Me ta) là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Tín đồ Ấn Độ giáo tin tưởng nước ở sông Hằng (sông Mẹ) linh thiêng sẽ tẩy rửa mọi tội lỗi của họ. Vì sao ở Ấn Độ – một cường quốc kinh tế hiện nay mà vẫn còn duy trì những phong tục cổ xưa như thế? Các con sông lớn đã có vai trò ra sao trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Cư dân có nơi đây đã đóng góp những gì cho nhân loại?

1. Điều kiện tự nhiên

Khai thác lược đồ trên và thông tin trong mục 1, hãy cho biết nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng, ảnh hưởng đến sự hình thành văn minh Ấn Độ.

Hướng dẫn giải:

a. Ấn Độ là một bán đảo ở Nam Á, từ Đông Bắc đến Tây Bắc có núi chắn ngang, trong đó có dãy Himalaya nổi tiếng. Ấn Độ chia làm hai miền Nam, Bắc lấy dãy núi Vindya làm ranh giới. Miền Bắc Ấn Độ có hai con sông lớn là sông Ấn (Indus) và sông Hằng (Gange).

Nét chính về điều kiện tự nhiên của sông Ấn và sông Hằng ảnh hưởng đến nền văn minh Ấn Độ:

Sông Ấn chia làm 5 nhánh, nên đồng bằng lưu vực sông Ấn được gọi là vùng Punggiáp (vùng Năm sông). Tên nước Ấn Độ là gọi theo tên con sông này. Sông Hằng ở phía Đông được coi là một dòng sông thiêng.

Ở thời cổ trung đại, phạm vi địa lí của nước Ấn Độ bao gồm cả các nước Pakixtan, Bắgladét và Nêpan ngày nay. Địa hình Lãnh thổ Ấn Độ chiếm một phần lớn tiểu lục địa Ấn Độ, nằm trên Mảng kiến tạo Ấn Độ (India Plate), phần phía bắc Mảng kiến tạo Ấn-Úc, phía nam Nam Á. Các bang phía bắc và đông bắc Ấn Độ nằm một phần trên dãy Himalaya. Phần còn lại ở phía bắc, trung và đông Ấn gồm đồng bằng Ấn-Hằng phì nhiêu. Ở phía tây, biên giới phía đông nam Pakistan, là Sa mạc Tha. Miền nam Bán đảo Ấn Độ gồm toàn bộ đồng bằng Deccan, được bao bọc bởi hai dãy núi ven biển, Tây Ghats và Đông Ghats.

Lưu vực sông Ấn chịu tác động của sa mạc nên rất hiếm mưa, khí hậu khô nóng. Ở lưu vực sông Hằng, do tác động của gió mùa nên lượng mưa nhiều, cây cối tươi tốt.

Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can với rừng rậm và núi đá hiểm trở. Chỉ có mỏm cực Nam và dọc theo hai bờ ven biển là những đồng bằng nhỏ hẹp, là nơi quần cư tương đối thuận lợi và đông đúc => là cơ sở dẫn đến sự hình thành nền văn minh Ấn Độ

2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại

1/ Nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại

2/ Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na ở Ấn Độ cổ đại?

Hướng dẫn giải:

1/ Những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại:

- Khoảng năm 2500 TCN, người bản địa Đa- va đã xây dựng những thành thị đầu tiên dọc theo hai bên bờ sông Ấn.

- Giữa thiên niên kỷ II TCN, người A-ri-a từ vùng Trung Á tràn vào miền Bắc Ấn Độ, xua đuổi người Đa-vi-đa và biến họ thành đẳng cấp thứ tư trong hệ thống bốn đẳng cấp (dựa trên sự phân biệt về chủng tộc và màu da). Chế độ này còn được gọi là chế độ đẳng cấp Vác-na:

Đẳng cấp thứ nhất là Brahman tức Bà-la-môn, gồm những người da trắng đều là tầng lữ (quý tộc chủ trì việc tế lễ đạo Bà-la-môn), họ là chúa tể, có địa vị cao nhất.

Đẳng cấp thứ hai là Kcatrya gồm tầng lớp quý tộc, vương công và vũ sĩ, có thể làm vua và các thứ quan lại.

Đẳng cấp thứ ba là Vaicya gồm đại đa số là nông dân, thợ thủ công và thương nhân, họ phải nộp thuế cho nhà nước, cung phụng cho đẳng cấp Brahman và Kcatrya.

Đẳng cấp thứ tư là Cudra gồm đại bộ phận là cư dân bản địa bị chinh phục, nhiều người là nô lệ, là kẻ tôi tớ đi làm thuê làm mướn.

2/ Nhận xét:

Cơ sở pháp lý của chế độ đẳng cấp Varna là bộ luật hà khắc Manus do giai thống trị người Arya đặt ra.

Chế độ đẳng cấp Varna là hệ thống các quan hệ phân biệt về màu da, chủng tộc hết sức hà khắc bất công, tạo ra vết rạn nứt sâu sắc trong xã hội Ấn Độ cổ đại.

Tuy nhiên, chế độ đẳng cấp Varna có vai trò nhất định giữ cho xã hội Ấn Độ cổ đại phát triển ổn định.

Muốn hợp thức việc bất bình đẳng nhân danh thần linh (đạo Bàlamôn đầu TNK I Tr.CN). Do đó, sự phân chia ngặt nghèo các varna thông qua pháp lí (luật Manus III Tr.CN)

Nó đã phân chia xã hội thành những tập đoàn khép kín, biệt lập, làm xã hội Ấn Độ cổ đại thêm chia cắt, phức tạp và nó còn tồn tại dai dẳng tới tận ngày nay

3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu

Dựa vào thông tin và các hình ảnh ở trên, hãy nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

Hướng dẫn giải:

Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại:

Chữ viết: Người Ấn Độ tạo ra chữ viết từ rất sớm. Chữ viết cô nhất của họ khắc trên các con dấu, được phát hiện ở lưu vực sông Ấn, có từ hơn 2000 năm TCN. Vào khoảng thế kỉ II TCN, chữ Phạn (Sanskrit) ra đời dựa trên việc cải biên những chữ viết có đã có trước đó. Đây là cơ sở của nhiều loại chữ viết ở Ấn Độ và Đông Nam Á sau này.

Văn học: Hai tác phẩm văn học nổi bật nhất thời cổ đại là Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na, có ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển của văn học Ấn Độ và Đông Nam Á ở các giai đoạn sau này.

Lịch: Người Ấn Độ cổ đại đã biết làm lịch.

Toán học: Họ cũng là chủ nhân của 10 chữ số mà ngày nay được dùng rộng rãi trên thế giới, đặc biệt là chữ số 0. Người Ả Rập đã học tập chữ số Ấn Độ rồi truyền sang châu Âu.

Tôn giáo: Ấn Độ cổ đại là quê hương của các tôn giáo lớn. Ra đời sớm nhất là đạo Bà La Môn. Những thế kỷ đầu Công nguyên, đạo Bà La Môn cải biến thành đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo). Khoảng thế kỉ VI TCN, Phật giáo được hình thành, người sáng lập là Xit-đac-ta Gô-ta-ma (Thích Ca Mâu Ni).

Kiến trúc: Công trình kiến trúc tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.

Phân luyện tập và vận dụng

1/ Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?

2/ Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện như thế nào?

3/ Thành tựu văn hoá nào của người Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng hoặc được bảo tồn đến

ngày nay?

4/ Trong xã hội Ấn Độ hiện nay vẫn còn tàn dư của chế độ đẳng cấp. Em hãy viết một bức thư ngắn (khoảng 10 câu) để thuyết phục người dân Ấn Độ thay đổi suy nghĩ về sự phân biệt đẳng cấp đó.

Hướng dẫn giải:

1/ Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?

* Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại:

- Ai Cập nằm ở Đông Bắc Châu Phi, hạ lưu sông Nin. Đồi núi bao bọc nên sống khép kín, ưa hòa hiếu, không thích chiến tranh. Là một vùng bình nguyên nằm giữa hai con sông Tigrơ và Ơphrát thuộc Tây Á. Địa hình mở, không có biên giới hiểm trở nên thường xảy ra chiến tranh, tranh giành vùng đất tốt hơn. Do vậy cư dân Lưỡng Hà hiếu chiến hơn cư dân Ai Cập.

Khí hậu: Mang tính sa mạc, khô cần ôn hòa, thuận lợi trồng cây lương thực

Đất đai: 90%sa mạc, 10% đất trồng trọt phì nhiêu, màu mỡ do 2 con sông bồi đắp

Tài nguyên: Dầu mỏ, khí đốt, đất sét

Địa hình: Hai miền rõ rệt: Thượng và Hạ Ai Cập Bình nguyên Dân cư: Ngày nay chủ yếu là người Arập; Thời cổ đại: Libi, da đen, Xêmit di cư từ Châu Á đến.

* Điều kiện tự nhiên của Lưỡng Hà:

Khí hậu Lưỡng Hà nóng và khô. Lượng mưa hàng năm không đáng kể; do vậy nông nghiệp chủ yếu được tiến hành trên những vùng đất đã được nước sông tưới tiêu tự nhiên hay bằng sức lao động của con người. Từ xa xưa, cư dân Lưỡng Hà đã chăm lo tới công tác thủy lợi, đào kênh mương để tưới tiêu cho đồng ruộng. Lưỡng Hà hầu như không có kim loại và mỏ đá quý, đó chính là khó khăn và thua thiệt đáng kể của Lưỡng Hà so với các nước khác. Bù lại, Lưỡng Hà lại có khá nhiều đất sét tốt, nguồn nguyên liệu chủ yếu để phát triển nghề gốm, gạch, sứ của Lưỡng Hà sau này.

Thiên nhiên đã ưu đãi Lưỡng Hà, cây chà là rất quý hiếm, quả để ăn, vỏ để đan lát và hạt có thể dùng để đốt thay than

* Sự khác nhau:

- Về thời gian hình thành:

+ Lưỡng Hà xuất hiện khoảng 3500 TCN còn Ai Cập xuất hiện khoảng 3200 TCN.

- Về điều kiện tự nhiên:

+ Lãnh thổ Lưỡng Hà kéo dài từ biển đen đến vịnh Ba Tư từ cao nguyên Iran đến bờ biển Địa Trung Hải. Văn minh Lưỡng Hà gắn liền với hai dòng sông: Tigris và Euphrates.

+ Ai Cập tốt hơn so với Lưỡng Hà địa lý mở rộng phía bắc ĐTH phía Đông biển đỏ phía Nam Nubian phía Tây Sahara thuộc hạ lưu sông Nile. Khoảng 5000 TCN dân cư AC đã chuyển từ săn bắt đánh cá sang trồng trọt.

+ “Ai Cập là tặng phẩm của sông Nile” còn Lưỡng Hà được hình thành từ 2 con sông Tigris và Euphrate

2/ Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện qua chế độ đẳng cấp Vác-na.

Đẳng cấp thứ nhất là Brahman tức Bà-la-môn, gồm những người da trắng đều là tăng lữ (quý tộc chủ trì việc tế lễ đạo Bà-la-môn), họ là chúa tể, có địa vị cao nhất.

Đẳng cấp thứ hai là Kcatrya gồm tầng lớp quý tộc, vương công và vũ sĩ, có thể làm vua và các thứ quan lại.

Đẳng cấp thứ ba là Vaicya gồm đại đa số là nông dân, thợ thủ công và thương nhân, họ phải nộp thuế cho nhà nước, cung phụng cho đẳng cấp Brahman và Kcatrya.

Đẳng cấp thứ tư là Cudra gồm đại bộ phận là cư dân bán địa bị chinh phục, nhiều người là nô lệ, là kẻ tôi tớ đi làm thuê làm mướn

Việc phân biệt sang hèn giữa các đẳng cấp rất rõ ràng, ranh giới rất khắt khe. Lại còn quy định những người không cùng đẳng cấp không được lấy nhau. Nếu lấy nhau, những đứa trẻ sinh ra và cha mẹ chúng đều bị gọi là "tiện dân", còn gọi là "người không thể đến gần". Nếu một người

Brahman do sợ ý chạm phải thân thể kẻ “tiện dân” thì coi như gặp phải uế khí, khi về nhà phải lập tức tắm rửa. Bình thường, “tiện dân” chỉ có thể trú ngụ ở ngoài làng, đi trên đường phải luôn gõ vào chiếc lọ sành để báo cho người ở đẳng cấp cao không được tiếp xúc với họ.

3/ Thành tựu văn hoá của người Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng hoặc được bảo tồn đến ngày nay:

Văn học: Hai tác phẩm văn học nổi bật nhất thời cổ đại là Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na, có ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển của văn học Ấn Độ và Đông Nam Á ở các giai đoạn sau này.

Lịch: Người Ấn Độ cổ đại đã biết làm lịch.

Toán học: Họ cũng là chủ nhân của 10 chữ số mà ngày nay được dùng rộng rãi trên thế giới, đặc biệt là chữ số 0. Người Ả Rập đã học tập chữ số Ấn Độ rồi truyền sang châu Âu.

Tôn giáo: đạo Bà La Môn, đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo). Khoảng thế kỉ VI TCN, Phật giáo

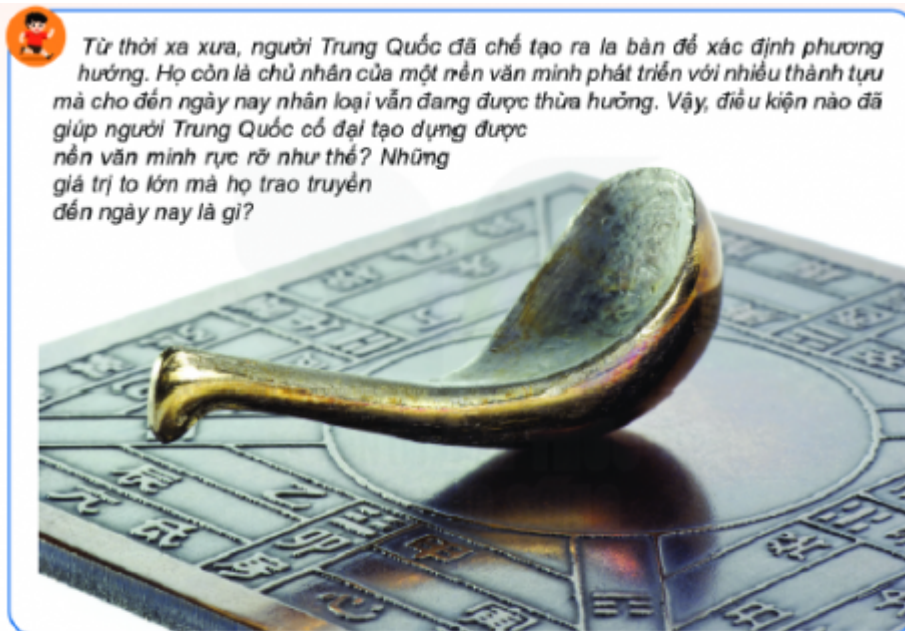
Kiến trúc: Công trình kiến trúc tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.

4/ HS tự viết thư

-----oOo-----

BÀI 9. TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

Phần mở đầu



▲ Hình 1. La bàn – một phát minh của người Trung Quốc



Từ thời xa xưa, người Trung Quốc đã chế tạo ra la bàn để xác định phương hướng. Họ còn là chủ nhân của một nền văn minh phát triển với nhiều thành tựu mà cho đến ngày nay nhân loại vẫn đang được thừa hưởng. Vậy, điều kiện nào đã giúp người Trung Quốc cổ đại tạo dựng được nền văn minh rực rỡ như thế? Những giá trị to lớn mà họ trao truyền đến ngày nay là gì?

1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại

Theo em, sông Hoàng Hà và Trường Giang đã tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân

Trung Quốc thời cổ đại?

Hướng dẫn giải:

Người Trung Quốc đã xây dựng nền văn minh đầu tiên ở lưu vực sông Hoàng Hà, sau đó mở rộng đến lưu vực sông Trường Giang (Duang Tử).

Thuận lợi:

+ Phù sa của hai dòng sông này đã tạo nên đồng bằng Hoa Bắc, Hoa Trung và Hoa Nam rộng lớn, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

+ Thượng nguồn các dòng sông là vùng đất cao, có nhiều đồng cỏ nên chăn nuôi đã phát triển từ sớm.

+ Giao thông đường thủy

+ Hệ thống tưới tiêu

+ Đánh bắt cá làm thức ăn

Khó khăn: Tuy nhiên, lũ lụt do hai con sông cũng đã gây ra nhiều khó khăn cho đời sống của người dân.

2. Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc

1/ Tư liệu trên cho em biết điều gì về chính sách cai trị đất nước của Tần Thủy Hoàng?

2/ Nhà Tần đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc như thế nào?

Hướng dẫn giải:

1/ Nhận xét chính sách cai trị đất nước của Tần Thủy Hoàng:

Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng đã thống nhất lãnh thổ, tự xưng hoàng đế. Nhà Tần chia đất nước thành các quận, huyện, đặt các chức quan cai quản, lập ra triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc. Tần triều vô cùng coi trọng việc cai trị đất nước và quan lại. Trong đó, việc quản lý quan lại được Tần triều xem là một việc rất trọng yếu bởi bộ phận người này ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, sự thịnh suy của đất nước. Để tăng cường tác phong và uy tín của quan lại, nhà Tần có pháp tắc nghiêm ngặt về tuyển chọn, bổ nhiệm chức vị, đồng thời có quy định nghiêm ngặt về sát hạch và thưởng phạt.

Để củng cố sự thống nhất đất nước, nhà Tần còn áp dụng chế độ đo lường, tiền tệ, chữ viết và pháp luật chung trên cả nước.

Tần Thủy Hoàng luôn bị người đời sau xưng là “bạo chúa” và chính sách cai trị của ông cũng bị hậu thế liệt vào loại hà khắc nhất trong lịch sử.

2/ Nhà Tần đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc:

- Tần Thủy Hoàng là vị vua khởi đầu việc xây dựng bộ máy chính quyền phong kiến tập quyền.

- Vua Tần xưng là Hoàng đế, là đẳng tối cao có quyền hành tuyệt đối, quyết định mọi vấn đề của đất nước.

- Dưới vua có hệ thống quan văn, quan võ. Thừa tướng đứng đầu các quan văn, Thái uý đứng đầu các quan võ. Đây là hai chức quan cao nhất của triều đình để giúp Hoàng đế trị nước ; ngoài ra còn có các quan coi giữ tài chính, lương thực...

- Hoàng đế còn có một lực lượng quân sự lớn để duy trì trật tự xã hội, trấn áp các cuộc nổi dậy trong nước, tiến hành chiến tranh xâm lược với bên ngoài.

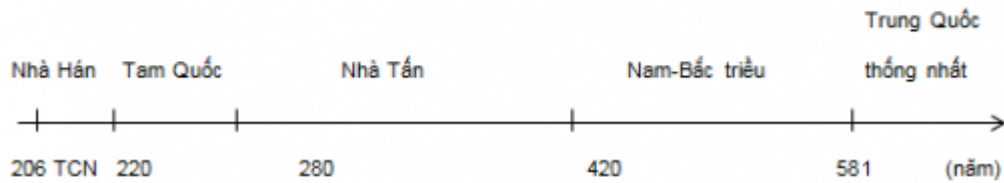
- Hoàng đế chia đất nước thành các quận, huyện; đặt các chức quan Thái thú (ở quận) và Huyện lệnh (ở huyện). Các quan lại phải hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh của Hoàng đế và luật pháp của nhà nước.

- Nhiều giai cấp mới được hình thành. Quan hệ bóc lột giữa địa chủ và tá điền dân được xác lập.

3. Trung Quốc từ thời nhà Hán đến thời nhà Thủy (206 TCN - thế kỷ VII)

Hãy xây dựng đường thời gian từ thời nhà Hán đến thời nhà Tùy

Hướng dẫn giải:



Đường thời gian từ thời nhà Hán đến thời nhà Tùy

4. Một số thành tựu nổi bật của văn minh Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ VII

Kể tên một số thành tựu văn minh tiêu biểu của người Trung Quốc cổ đại

Hướng dẫn giải:

Một số thành tựu văn minh tiêu biểu của người Trung Quốc cổ đại:

Chữ viết: Từ thời nhà Thương, người Trung Quốc đã khắc chữ trên mai rùa, xương thú, gọi là giáp cốt văn.

Văn học: Kinh Thi là tập thơ cổ nhất ở Trung Quốc, gồm nhiều sáng tác dân gian, được Khổng Tử sưu tập và chỉnh lí. Nhiều bài thơ trong đó là nguồn cảm hứng sáng tác thơ ca Trung Quốc giai đoạn sau, đồng thời cũng ảnh hưởng lớn đến văn học của các nước khác, trong đó có Việt Nam.

Thời cổ đại, xuất hiện nhiều nhà tư tưởng nổi tiếng, tiêu biểu là Khổng Tử và Lão Tử.

Sử học: Người Trung Quốc xưa rất có ý thức về việc chép sử. Những bộ sử tiêu biểu như Sử kí của Tư Mã Thiên, Hán thư của Ban Cố,...

Tính lịch: Người Trung Quốc cũng đã phát minh ra một loại lịch dựa trên sự kết hợp giữa âm lịch và dương lịch mà cho đến ngày nay vẫn ảnh hưởng đến cách tính thời gian của nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam.

Khoa học-kỹ thuật: Thế kỉ II TCN, họ đã phát minh ra thiết bị đo động đất sớm nhất thế giới (gọi là địa động nghi). Đặc biệt, người Trung Quốc cổ đại đã đặt nền tảng cho bốn phát minh quan trọng về mặt kỹ thuật, đó là giấy, thuốc nổ, la bàn và kỹ thuật in sau này.

Y học: Bộ Hoàng đế nội kinh của Hoa Đà (một trong “tứ đại danh y của Trung Quốc”) được coi là sách kinh điển của y học cổ truyền Trung Hoa, Hoa Đà cũng người đầu tiên thực hiện phương pháp phẫu thuật gây mê.

Các triều đại từ Tần đến Tùy đều chú trọng xây dựng những công trình kiến trúc đồ sộ: Vạn Lý Trường Thành, Lăng Ly Sơn,...

Phản luyện tập và vận dụng

1/ Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại có những đặc điểm gì nổi bật? Những đặc điểm đó đã tác động như thế nào đến sự hình thành nền văn minh quốc gia này?

2/ Nhà Tần có vai trò như thế nào trong lịch sử Trung Quốc?

3/ Trong các thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại, em thích nhất thành tựu nào? Vì sao?

4/ Theo em, những thành tựu nào của văn minh Trung Quốc thời cổ đại có ảnh hưởng tới văn hoá của người Việt trong quá khứ và hiện tại?

Hướng dẫn giải:

1/ Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại có những đặc điểm gì nổi bật? Những đặc điểm đó đã tác động như thế nào đến sự hình thành nền văn minh quốc gia này?

Trung Quốc trong suốt chiều dài lịch sử là một nước lớn ở Đông Á. Trên lãnh thổ Trung Quốc có hai con sông lớn chảy qua, đó là Hoàng Hà (dài 5.464 km) ở phía Bắc và Trường Giang (dài 6.300 km) ở phía Nam. Hoàng Hà từ xưa thường gây ra lũ lụt, do đó đã bồi đắp cho đất đai thêm màu mỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp khi công cụ sản xuất còn tương đối

thô sơ. Chính vì vậy, nơi đây trở thành cái nôi của nền văn minh Trung Hoa. Khi mới thành lập nước (vào khoảng thế kỉ XXI TCN) địa bàn Trung Quốc chỉ mới là một vùng nhỏ ở trung lưu lưu vực Hoàng Hà. Từ đó lãnh thổ Trung Quốc được mở rộng dần, nhưng cho đến thế kỉ III TCN, tức là đến cuối thời cổ đại, phía Bắc của cương giới Trung Quốc chưa vượt qua dãy Vạn lí trường thành ngày nay, phía Tây mới đến Đông Nam tỉnh Cam Túc và phía Nam chỉ bao gồm một dải đất nằm dọc theo hữu ngạn Trường Giang mà thôi.

Từ cuối thế kỉ III TCN Trung Quốc trở thành một nước phong kiến thống nhất. Từ đó nhiều triều đại của Trung Quốc đã chinh phục các nước xung quanh, do đó có những thời kì cương giới của Trung Quốc được mở ra rất rộng. Đến thế kỉ XVIII, lãnh thổ Trung Quốc về cơ bản được xác định như hiện nay.

2/ Tuy triều đại nhà Tần chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng lại có vai trò vô cùng quan trọng đối với lịch sử Trung Quốc:

Kết thúc 800 năm chiến tranh: Trong triều nhà Chu kéo dài 800 năm trước đó, các nước chư hầu tranh chấp, chiến tranh liên miên. Cho đến khi nhà Tần thành lập thì Trung Quốc mới quy về một mối thống nhất. Đây chính là công lao vô cùng to lớn của nhà Tần đối với lịch sử Trung Quốc.

Lập ra triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc: Tần Thủy Hoàng phế bỏ nhà Chu, đặt lại quận huyện, tiến hành một loạt cải cách trọng đại khiến cho Trung Quốc lần đầu tiên trở thành một nhà nước trung ương tập quyền thống nhất.

Nhà Tần áp dụng chế độ đo lường, tiền tệ, chữ viết và pháp luật chung trên cả nước

3/ Trong các thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại, em thích nhất thành tựu Vạn Lí trường thành. Vì Vạn Lý Trường Thành được xem như công trình vĩ đại nhất Trung Quốc, là một trong những kỳ quan nhân tạo lâu đời nhất và hùng vĩ nhất còn tồn tại đến ngày nay, biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc cổ đại.

Quá trình xây dựng Vạn Lý Trường Thành mất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc, cả mồ hôi, xương máu của người dân. Nhiều gia đình bị ly tán, nhiều công nhân đã chết và mai táng như một phần của công trình này. Công nhân được huy động khắp nơi từ lính, nông dân, phiên quân. Sử dụng các loại vật liệu như đá, đất, cát, gạch và hoàn toàn sử dụng các phương tiện thô sơ trong xây dựng và vận chuyển bằng tay, dây thừng, giỏ đeo.

Vạn lí trường thành là "Bảy kỳ quan mới của thế giới" và Di sản Thế giới của UNESCO

4/ Những thành tựu nào của văn minh Trung Quốc thời cổ đại có ảnh hưởng tới văn hoá của người Việt trong quá khứ và hiện tại:

Văn học: Một thành tựu quan trọng của văn học nền văn minh Đại Việt là việc phổ biến chữ Nôm, vừa mang tính dân tộc (Nam Nôm), vừa mang tính dân gian (nôm na), cải biến và Việt hóa chữ Hán. Chữ Nôm lúc bấy giờ được gọi là "Quốc ngữ", "Quốc âm".

Những ảnh hưởng về tư tưởng tôn giáo: Trung Quốc có rất nhiều những giáo lý và tư tưởng nổi tiếng, nhiều trong số đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam như Phật giáo (Bắc Tông), cá hệ tư tưởng như Nho giáo, Đạo giáo các tư tưởng về quản lý,... ảnh hưởng sâu sắc tới nước ta, cho đến ngày nay nó vẫn còn ý nghĩa quan trọng trong các hoạt động học tập nghiên cứu, quản lý nhà nước,... Nho giáo: ra đời ở Trung Quốc, do Khổng Tử sáng lập. Du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc và được nhà Lý chính thức thừa nhận khi cho xây dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử. Từ thời Lê trở thành tư tưởng chính thống của giai cấp thống trị.

Hội họa - Kiến trúc - Điêu khắc: Về nước ta chúng ta có Kiến trúc: Văn Miếu – Quốc Tử Giám, hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ và một số công trình đền đài, tượng điêu khắc, tứ linh (long, ly, quy, phượng), ... có sự pha trộn phong cách kiến trúc của Trung Hoa. Hội họa có sự tiếp thu và có những thành tựu riêng đó là Tranh Đông Hồ, Hàng Trống mang những nét khác.

Ngoài ra, các thành tựu về khoa học tự nhiên như bàn tính, lịch can chi, chữa bệnh bằng châm cứu... đều có tác động sâu rộng đến nền văn minh Đại Việt cũng như nền văn minh nước ta trong giai đoạn hiện tại. (Nói rõ lịch 12 con giáp,...các con vật thiêng)

BÀI 10. HY LẠP -RÔ MA CỔ ĐẠI

-----o0o-----

BÀI 11 CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á

Phần mở đầu

Em đã được học về Trung Quốc và Ấn Độ – những nền văn minh lớn của nhân loại. Giữa hai trung tâm văn minh này là khu vực Đông Nam Á, với vị trí rất quan trọng, là "ngã tư đường" của thế giới. Từ những thổ kị trước đến đầu Công nguyên, ở đây đã hình thành các quốc gia đầu tiên. Quá trình đó diễn ra như thế nào? Các quốc gia đó đã phát triển ra sao? Đó là điều sẽ được làm rõ trong bài này.

1. "Cái nôi" của nền văn minh lúa nước

Dựa vào thông tin ở trên, kết hợp khai thác lược đồ hình 1 (tr.53), hãy mô tả vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

Hướng dẫn giải:

Do vị trí địa lí nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương:

- Nằm ở đông nam châu Á, tiếp giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, cầu nối giữa lục địa Á-Âu với Lục địa Úc.
- ĐNÁ bao gồm hệ thống bán đảo, đảo, quần đảo xen giữa biển rất phức tạp.
- ĐNÁ có vị trí quan trọng, nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn, nơi các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng.
- Gồm 11 quốc gia: Việt Nam, Lào, Campuchia, Singapo, Thái Lan, Mianma, Malaysia, Indonexia, Philippin, Brunay, Đông timo.

=> Đông Nam Á vẫn được coi là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải.

2. Quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á

1/ Hãy chỉ và kể tên một số quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á trên lược đồ hình 1 (tr.53).

2/ Các tư liệu (tr. 53) và hình 2, 3 chứng tỏ điều gì về giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên.

Hướng dẫn giải:

1/ Một số quốc gia sơ kì ở khu vực Đông Nam Á: Mô-giô-pa-hít, Chân Lạp, Lâm Ấp, Đại Việt, Champa, Lan Xang, Pa-gan, Ăng-co, Phù Nam, Ma-lay, Ta-ru-ma,...

2/ Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên đã có sự giao lưu thương mại. Do vị trí thuận lợi, buôn bán bằng đường biển ở một số quốc gia ngày càng phát đạt. Một số thành thị đồng thời là những hải cảng sầm uất đã xuất hiện như Óc eo (Việt Nam), Ta-co-la (bán đảo Mã Lai, nay thuộc Thái Lan). Đồng tiền vàng La Mã xuất hiện là minh chứng cho sự trao đổi, buôn bán của người dân các quốc gia này.

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Tác động của việc giao lưu thương mại đối với sự ra đời của các quốc gia sơ kỳ Đông Nam Á như thế nào?

2/ Sưu tầm thêm thông tin từ sách, báo, internet về quá trình hình thành của một quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á mà em thích và chia sẻ với bạn.

3/ Sưu tầm những câu thành ngữ, tục ngữ của người Việt lên quan đến lúa, gạo.

Hướng dẫn giải:

1/ Tác động của việc giao lưu thương mại đối với sự ra đời của các quốc gia sơ kỳ Đông Nam Á:

- Mang lại kinh tế cao, có khả năng cung cấp một khối lượng lớn lúa gạo, cá, sản phẩm thủ công (vải, hàng sơn, đồ sứ, thuốc nhuộm, chế phẩm kim khí v.v...) và nhất là những sản vật thiên

nhiên (các loại gỗ quý, hương liệu, gia vị, đá quý, ngọc trai, cánh kiến ...).

- Hình thành những vùng kinh tế quan trọng, mang lại sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế khu vực

- Cùng với sự phát triển kinh tế và với quá trình xác lập các quốc gia “dân tộc”, văn hoá dân tộc cũng dần được hình thành. Sau một thời gian tiếp thu và chọn lọc, các dân tộc Đông Nam Á đã xây dựng được một nền văn hoá riêng của mình và đóng góp vào kho tàng văn hoá chung của loài người những giá trị tinh thần độc đáo.

2/ Quá trình hình thành của quốc gia Chăm-pa:

Vương Quốc Champa là một Quốc gia độc lập, tồn tại từ khoảng thế kỷ thứ 7 đến năm 1832 (thế kỷ thứ 18) trên phần đất nay thuộc miền Trung Việt Nam. Cương vực của Chăm Pa lúc mở rộng nhất trải dài từ Quảng Bình, dãy núi Hoành Sơn ở phía Bắc cho đến Bình Thuận ở phía Nam và từ biển Đông cho đến tận miền núi phía Tây của nước Lào ngày nay. Văn hóa Chăm Pa chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Campuchia và Ấn Độ đã từng phát triển rực rỡ với những đỉnh cao là phong cách Đông Dương và phong cách Mỹ Sơn mà nhiều di tích đền tháp và các công trình điêu khắc đá, đặc biệt là các hiện vật có hình lin-ga vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay cho thấy ảnh hưởng của Ấn giáo và Phật giáo là hai tôn giáo chính của chủ nhân vương quốc Chăm Pa xưa. Chăm Pa hưng thịnh nhất vào thế kỷ thứ 9 và 10 và sau đó dần dần suy yếu dưới sức ép Nam tiến của Đại Việt từ phía Bắc và các cuộc chiến tranh với Đế quốc Khmer. Năm 1471, Chăm Pa chịu thất bại nặng nề trước Đại Việt và nước Chăm Pa thống nhất chấm dứt tồn tại. Phần lãnh thổ còn lại của Chăm Pa tiếp tục bị các chúa Nguyễn thôn tính lần hồi và đến năm 1832 toàn bộ vương quốc chính thức bị sáp nhập vào Việt Nam.

3/ Những câu thành ngữ, tục ngữ của người Việt lên quan đến lúa, gạo

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Lúa rụng đầy đồng, gà chẳng cần ăn
Lúa khô nước cạn ai ơi
Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu
Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non
Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần
Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về
Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cây cày giữ nghiệp nông gia.
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công!
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn
Ăn trái nhớ kẻ trồng cây
Ăn gạo nhớ kẻ đâm xay giã sàng

-----o0o-----

BÀI 12. SỰ HÌNH THÀNH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC ĐNA (THẾ KỶ VII-X)

1. Sự hình thành các vương quốc phong kiến

Quan sát lược đồ hình 1 (tr.53) và thông tin trong bài học, em hãy nêu tên và xác định nơi

hình thành các quốc gia phong kiến Đông Nam Á

Hướng dẫn giải:

Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X, ở khu vực Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia, lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt như:

+ Các vương quốc Sri Kse-tra của người Môn và Pa-gan của người Miên (ở lưu vực sông I-ra-oa-di);

+ Vương quốc Đva-ra-va-ti của người Môn,

+ Vương quốc Chân Lạp của người Khơ-me (ở lưu vực sông Mê Nam);

+ Vương quốc Sri Vi-giay-a của người Mã Lai (trên đảo Xu-ma-tra);

+ Vương quốc Ca-lin-ga của người In-đô-nê-xi-a (trên đảo Gia-va).

2. Hoạt động kinh tế ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

1/ Khai thác các tư liệu trên và cho biết thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn bởi những sản vật nào của các vương quốc Sr V-giay-a và Ma-ta-ram?

2/ Hãy trình bày hoạt động kinh tế chính của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

Hướng dẫn giải:

1/ Thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn bởi các sản phẩm gia vị của các vương quốc Sri-Vi-giay-a và Ma-ta-ram. Một số sản phẩm gia vị gồm: tiêu bắc, quế, hồi, trầm hương, gừng, đinh hương,...

2/ Hoạt động kinh tế chính của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X:

Trên nền tảng của các quốc gia sơ kì, kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á vẫn tiếp tục phát triển.

Các vương quốc lấy nông nghiệp làm ngành kinh tế chính, chủ yếu nằm ở vùng lục địa (như Chăm-pa, Chân Lạp), ở lưu Vực sông Chao Phray-a (Thái Lan), lưu vực sông I-ra-oa-di (Mi-an-ma ngày nay)....

Một số quốc gia chủ yếu dựa vào hoạt động thương mại biển như Sri Vi-giay-a, Ca-lin-ga, Ma-ta-ram (In-đô-nê-xi-a ngày nay). Với nguồn sản vật phong phú, đặc biệt là gia vị, các vương quốc này góp nhiều mặt hàng chủ lực trên những tuyến buôn bán đường biển kết nối Á – Âu, mà sau này gọi là Con đường Gia vị.

Quá trình giao lưu thương mại với nước ngoài đã thúc đẩy sự phát triển của các vương quốc trong khu vực. Vì thế trong thời kỳ này, ở các vương quốc cũng xuất hiện một số thương cảng sầm uất như Đại Chiêm (Chăm-pa), Pa-lem-bang (Sri Vigaiy-a),... Những thương cảng này đã trở thành điểm kết nối kinh tế, văn hoá giữa các châu lục.

Phân luyện tập và vận dụng

1/ Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã phát huy những lợi thế nào để phát triển kinh tế?

2/ Hoạt động giao lưu thương mại đã tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế các quốc gia phong kiến Đông Nam Á?

3/ Có một câu chuyện thú vị như sau: Vào thế kỉ X, 1 pound nghệ tây (khoảng 4 lạng) có giá ngang với 1 con ngựa, 1 pound gừng có giá ngang 1 con bò. Từ câu chuyện trên cùng thông tin trong bài học, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3- 5 câu) mô tả sự hấp dẫn của nguồn gia vị ở các vương quốc Đông Nam Á đối với thương nhân nước ngoài.

4/ Hãy tìm hiểu thêm thông tin từ sách, báo và internet về một thương cảng Đông Nam Á thời cổ đại và một thương cảng Đông Nam Á hiện nay. Qua đó, em ở thu hoạch được điều gì?

Hướng dẫn giải:

1/ Những lợi thế giúp các vương quốc phong kiến Đông Nam Á phát triển kinh tế:

Điều kiện tự nhiên thuận lợi là gió mùa kèm theo mưa => thích hợp cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là cây lúa nước

Đông Nam Á nằm ở vị trí cầu nối thuận tiện cho nhu cầu trao đổi sản phẩm, vì thế việc buôn bán theo đường ven biển rất phát đạt. Một số thành thị - hải cảng đã ra đời và hoạt động nhộn nhịp => Giao thương phát triển

Vị trí đó cũng giúp đẩy nhanh quá trình giao lưu, tiếp nhận văn hóa với các nước và khu vực

xung quanh. => đẩy nhanh quá trình hình thành nhà nước

Đã sớm tiếp thu và chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Thông qua Vương quốc Phù Nam, người Khơ-me đã tiếp thu đạo Bà La Môn và đạo Phật, chịu ảnh hưởng của văn học, nghệ thuật (nhất là nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc) => phát triển văn hóa

2/ Hoạt động giao lưu thương mại đã tác động đến sự phát triển kinh tế các quốc gia phong kiến Đông Nam Á:

Quá trình giao lưu thương mại với nước ngoài đã thúc đẩy sự phát triển của các vương quốc trong khu vực: Giúp trao đổi hàng hóa, đa dạng các sản phẩm, giao lưu thương mại đồng thời phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất, tiêu dùng; giao thông vận tải phát triển, đời sống vật chất và tinh thần nâng cao và mở rộng.

3/ Cùng với những thuận lợi về điều kiện tự nhiên và khí hậu, khu vực ĐNA đã được ban tặng nhiều sản vật phong phú, trong đó gia vị là "món quà" được các nước phương Tây cực kỳ ưa chuộng. Một số sản phẩm gia vị gồm: tiêu bắc, quế, hồi, trầm hương, gừng, đinh hương,... Những gia vị này mang lại mùi vị riêng biệt, đặc trưng không thể nhầm lẫn với các món ăn phương Tây. Cho đến ngày nay, các sản phẩm này vẫn được xuất khẩu nhiều và mang lại nguồn thu không nhỏ cho các quốc gia ĐNA.

4/

Thương cảng cổ đại: Đại Chiêm

Thuộc Hội An, là một cảng-thị đã được thiết lập từ thời tiền sử để điều hành một hệ thống thương mại xa bờ hoặc giao lưu quốc tế cũng như một hệ thống trao đổi ven sông của cư dân nội địa ở miền trung du và thượng du.

Dựa trên các cứ vật khảo cổ học rất phong phú tìm thấy trong văn hóa Sa Huỳnh ở vùng Hội An và lưu vực sông Thu Bồn với các di tích tiêu biểu như Lai Nghi, Gò Dừa, Hoàn Châu, v.v... có niên đại từ thế kỷ thứ 2 trước CN đến thế kỷ thứ 2 CN, chúng ta biết rằng nền kinh tế-xã hội của vùng này đã phát triển rất cao. Tương ứng nên lưu ý rằng lưu vực sông Thu Bồn là nơi tập trung dày đặc nhất các di chỉ văn hóa Sa Huỳnh ở Việt Nam, và các di chỉ Sa Huỳnh trong khu vực này không chỉ được phát hiện ở miền hạ lưu ven biển, mà còn ở sâu trong đất liền hoặc ở miền núi dọc theo thượng lưu các con sông lớn. Hệ thống di tích tiền-sử này đã khẳng định Hội An là một trong những cảng-thị được hình thành sớm nhất ở vùng Đông Nam Á

Cảng Singapore – Singapore

Cảng Singapore là một trong 10 cảng lớn nhất khu vực Đông Nam Á, gồm các cơ sở hạ tầng bến cảng và khu vực nước cảng thực hiện chức năng xử lý thương mại hàng hải tại cảng của Singapore. Hiện nay cảng này là cảng bận rộn nhất trên thế giới về mặt trọng lượng tàu hàng xử lý, cảng cũng trung chuyển 1/5 lượng hàng vận chuyển bằng container trên thế giới như cảng container của thế giới bận rộn nhất, một nửa nguồn cung cấp dầu thô hàng năm của thế giới, và là cảng trung chuyển của thế giới bận rộn nhất.

=> Qua đó cho ta thấy sự quan trọng của các cảng thương mại, không những thời cổ đại mà cả hiện đại và tương lai.

-----o0o-----

BÀI 13. GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HÓA Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỶ X

Phần mở đầu

Trong hơn mười thế kỷ hình thành và phát triển, ở Đông Nam Á đã diễn ra quá trình giao lưu văn hoá với Trung Quốc và Ấn Độ. Quá trình giao lưu đó đã tác động như thế nào đó đã tác động như thế nào đến văn hoá Đông Nam Á?

1. Tín ngưỡng, tôn giáo

Đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của các cư dân Đông Nam Á đã chịu ảnh hưởng từ văn hóa

Ấn Độ, Trung Quốc như thế nào?

Hướng dẫn giải:

Trong quá trình lịch sử, cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian như: tín ngưỡng phồn thực, tục thờ cúng tổ tiên, tục cầu mưa,... Các tín ngưỡng bản địa đã dung hợp với Ấn Độ giáo (từ Ấn Độ), Phật giáo (từ Ấn Độ và Trung Quốc). Trong đó, các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đều có tín ngưỡng Thần-vua (Chăm-pa, Chân Lạp,...). VD: thánh địa Mỹ Sơn của quốc gia Champa cổ, Borobudur (Indonesia), Angkor Wat (Campuchia),... tục tế nước vào Phật để cầu mưa vào dịp Tết ở Cam-pu-chia

- Về Phật giáo: Phật giáo được du nhập vào Đông Nam Á khá sớm. Nó thâm nhập vào từng quốc gia trong những thời gian không như nhau, bằng những con đường khác nhau và ảnh hưởng của nó cũng không đều nhau. Theo một số nhà nghiên cứu lịch sử, Phật giáo lần đầu tiên xuất hiện tại Đông Nam Á khoảng thế kỉ I-II đầu Công nguyên.

Việt Nam: Phật giáo du nhập vào quãng những năm 194-195 và trung tâm Phật giáo lớn nhất thời đó là Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

Indônêxia: Phật giáo Đại thừa có mặt từ rất sớm, quãng thế kỷ I. Phật giáo phát triển rực rỡ thời kỳ quốc gia Srivijaya và ngôi chùa Borobudur là biểu tượng của kiến trúc Phật giáo nổi tiếng của cả khu vực thời đó. Đến thế kỷ XIII, Phật giáo Tiểu thừa xuất hiện thay thế Phật giáo Đại thừa.

Thái Lan là quốc gia Phật giáo lớn nhất Đông Nam Á, Phật giáo Tiểu thừa có mặt quãng thế kỷ sau công nguyên ở Campuchia quãng thế kỷ V và Lào, chậm hơn, quãng thế kỷ VII và chính thức Phật giáo có ảnh hưởng rộng lớn từ giữa thế kỷ XIV.

Phật giáo đã trở thành tư tưởng chính thống của nhiều quốc gia và là quốc giáo ở một số nước Đông Nam Á.

2. Chữ viết - văn học

Những bằng chứng nào chứng tỏ chữ viết, văn học Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc?

Hướng dẫn giải:

* Chữ viết: Tiếng Sankrit của Ấn Độ đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền tải. Từ chữ Sankrit, các nước Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết đặc trưng cho quốc gia mình. Đến thế kỷ X các nước Đông Nam Á chưa có chữ viết trong khi đó Ấn Độ giáo và Phật giáo du nhập phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á. Tiếng Pali, Sanskrit, tiếng Hán không những đóng vai trò ngôn ngữ trong truyền giáo mà còn đóng vai trò ngôn ngữ văn học ở các quốc gia Đông Nam Á, trên cơ sở đó các quốc gia Đông Nam Á đã vay mượn trực tiếp chữ viết của Ấn Độ, Trung Quốc sau đó cư dân Đông Nam Á mới dựa trên những mẫu chữ đó để sáng tạo ra chữ viết riêng của mình. Thử chữ viết này được chủ yếu sử dụng trong các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á.

* Văn học:

Dòng chảy văn học của Đông Nam Á cũng chịu ảnh hưởng nhất định từ Ấn Độ. Điều đó thể hiện rõ nét nhất trong các tác phẩm đậm đà bản sắc dân gian như: Ramayana, Mahabharata, Jakarta, Panchatantra... Thời kỳ đầu của văn học thành văn (thế kỷ X – XIV) tiếng Pali, Sanskrit, Hán đóng vai trò ngôn ngữ văn học

Thí dụ:

Văn học thế kỷ VII – XIII ở Mã Lai – Indonesia lấy Sanskrit làm ngôn ngữ thơ ca trong khi đó tiếng Mã Lai cổ, tiếng Java chỉ dùng trong công việc hành chính, sinh hoạt.

Văn học viết thế kỷ XIII – XVIII nói chung là văn học cung đình và ít nhiều nó vẫn còn ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc. Riêng Malaysia, Indonesia thời gian này văn học chịu ảnh hưởng của văn hóa Java và văn hóa Hồi giáo của Ả Rập – Ba Tư Còn Philippin chịu ảnh hưởng của văn học châu Âu.

Trong các quốc gia ở Đông Nam Á chỉ có Việt Nam là chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Trung Quốc do hoàn cảnh lịch sử quy định. Còn hầu hết các quốc gia khác đều chịu ảnh hưởng của văn học Ấn Độ.

Ở Việt Nam, văn học nghệ thuật Trung Hoa cũng sớm du nhập vào Việt Nam với sự ảnh hưởng của các thể thơ Đường Cổ

Ở quần đảo Indonesia, Malaysia văn học cổ đại Ấn Độ đã du nhập vào đây từ rất sớm các tác phẩm sử thi Ramayana, Mahabharata thịnh hành và ngày càng lan rộng khắp quần đảo suốt thời kỳ cổ trung đại thông qua loại hình rối bóng Wayang.

Ở Campuchia và Champa văn hóa Ấn Độ vào tiêu khu vực này sớm và văn học Campuchia tiếp nhận vốn văn học Ấn Độ - Bà La Môn, từ thế kỷ XIV trở đi văn học Ấn Độ và Phật giáo chiếm ưu thế. Tiêu biểu cho nền văn học Campuchia là tác phẩm Riêmkê (IX- XIV) mang nhiều dấu ấn thời đại, đây là tác phẩm đầu tiên đặt ra vấn đề về thân phận người phụ nữ trong văn học Campuchia với hình tượng nhân vật Xê Đa tương trưng cho người phụ nữ Campuchia chung thủy hết lòng yêu thương chồng con, cùng chồng gánh vác những việc khó khăn, không bị tình yêu, của cải, sức mạnh, quyền lực cám dỗ. Tuy lấy đề tài từ sử thi Ramayana và Ramayana thì thần linh hóa các nhân vật nhưng Riêmkê lại khác, họ đã kéo các nhân vật có nguồn gốc thần linh lại gần cuộc sống bình thường của người dân Campuchia bằng cách đưa tinh thần bản vào các nhân vật này ghen tuông, mù quáng, có chấp. đưa ra một kết cục bi thảm. nó diễn tả hậu quả của những sai lầm của con người và có tác dụng răn đe những người xem, người đọc Ngoài ảnh hưởng của Ấn Độ văn học Campuchia còn tiếp thu một số ảnh hưởng của văn học Java Mã lai.

Ở Myanmar, Thái Lan, Lào cũng chịu ảnh hưởng của văn học Ấn Độ song tiêu khu vực này tiếp nhận muộn hơn và nhiều khi tiếp nhận thông qua một quốc gia khác có nền văn học trở thành trung gian cho sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với một nền văn học khác, chẳng hạn như văn học Lào chịu ảnh hưởng Ấn Độ thường được thông qua Thái Lan hoặc Khmer.

3. Kiến trúc, điêu khắc

Kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X có điểm gì nổi bật?

Hướng dẫn giải:

Kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X có điểm:

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo, Phật giáo,

Kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á là kiến trúc đền - núi, như đền Bô-rô-bu-đua, Laro Glong-grang (In-đô-nê-xi-a), khu di tích Mỹ Sơn (Việt Nam),...

Nghệ thuật điêu khắc Đông Nam Á cũng chịu ảnh hưởng rõ rệt của Ấn Độ với các loại hình chủ yếu là phủ điêu, các bức chạm nổi, tượng thân, Phật,...

Phản luyện tập và vận dụng

1/ Văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đã ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á như thế nào trong những thế kỷ đầu Công nguyên?

2/ Tìm thêm thông tin và chia sẻ với bạn về một thành tựu văn hoá Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc,

3/ Em hiểu gì về biểu tượng trên lá cờ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày nay?

Hướng dẫn giải:

1/ Văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đã ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á (tín ngưỡng tôn giáo, chữ viết - văn học, kiến trúc điêu khắc) trong những thế kỷ đầu Công nguyên:

1. Tín ngưỡng - tôn giáo

Văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đã ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á như thế nào trong những thế kỷ đầu Công nguyên

Trong quá trình lịch sử, cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian như tín ngưỡng phồn thực, tục thờ cúng tổ tiên, tục cầu mưa,...

Trong quá trình lịch sử, cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian như tín ngưỡng phồn thực, tục thờ cúng tổ tiên, tục cầu mưa,...

2. Chữ viết - văn học

Nhiều nhóm cư dân Đông Nam Á đã tạo ra chữ viết riêng dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ.

Riêng người Việt thì kế thừa hệ thống chữ Hán của người Trung Quốc.

Bên cạnh kho tàng văn học dân gian (ca dao, tục ngữ, họ ve,...), người Đông Nam Á cũng tiếp thu văn học của người Ấn Độ, tiêu biểu nhất là sử thi Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-y-a-na để sáng tạo bộ sử thi của dân tộc mình như: Phạ lắ- Pha Lam (Lào), Ra-ma-kien (Thái Lan), Ra-ma-y-a-na (In-đô-nê-xi-a), Riêm Kê (Cam-pu-chia),...

3. Kiến trúc - điêu khắc

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo, Phật giáo.

Kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á là kiến trúc đền - núi, như đền Bô-rô-bu-đua, Lara Giong-grang (In-đô-nê-xi-a), khu di tích Mỹ Sơn (Việt Nam),...

Nghệ thuật điêu khắc Đông Nam Á cũng chịu ảnh hưởng rõ của Ấn Độ với các loại hình chủ yếu là phù điêu, các bức chạm nổi, tượng thân, Phật,...

2/ Thánh địa Mỹ Sơn: Thánh địa Mỹ Sơn nằm ở xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Hội An khoảng 40km, đây là quần thể tháp Chăm lớn nhất ở Việt Nam, đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa.

Các công trình tháp cổ ở Mỹ Sơn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa tín ngưỡng Ấn Độ, thể hiện ở hình dáng tháp cũng như những bức phù điêu, các tấm bia được viết bằng chữ Phạn với hoa văn họa tiết vô cùng sống động và đẹp. Các Tháp đều hướng về phía Đông là hướng của các vị thần, là hướng sinh, tuy nhiên vẫn có một số tháp hướng về phía Tây thể hiện quan niệm của các vị vua Chăm pa muốn tìm hiểu về thế giới bên kia, thế giới không nhận biết được.

Đây từng là nơi tổ chức cúng tế của vương triều Chăm pa cũng như là lăng mộ của các vị vua Chăm pa hay hoàng thân, quốc thích. Thánh địa Mỹ Sơn được coi là một trong những trung tâm đền đài chính của Ấn Độ giáo ở khu vực Đông Nam Á và là di sản duy nhất của thể loại này tại Việt Nam. Được UNESCO công nhận là di sản văn hóa năm 1999. Thánh địa Mỹ Sơn được ví như những tòa tháp cổ của người Champa, là nơi có không gian lý tưởng cho một trung tâm đậm đà bản sắc tôn giáo Chăm Pa mang trong mình vẻ đẹp của một nền văn minh đã mất.

Các công trình tháp cổ ở Mỹ Sơn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa tín ngưỡng Ấn Độ, thể hiện ở hình dáng tháp cũng như những bức phù điêu, các tấm bia được viết bằng chữ Phạn với hoa văn họa tiết vô cùng sống động và đẹp. Các Tháp đều hướng về phía Đông là hướng của các vị thần, là hướng sinh, tuy nhiên vẫn có một số tháp hướng về phía Tây thể hiện quan niệm của các vị vua Chăm pa muốn tìm hiểu về thế giới bên kia, thế giới không nhận biết được.

Nghệ thuật kiến trúc đền tháp mang ảnh hưởng lớn của phong cách Ấn Độ. Thánh địa có một tháp chính (Kalan) và nhiều tháp phụ nhỏ bao bọc xung quanh. Các tháp đều có hình chóp, biểu tượng của đỉnh. Những đền tháp ở Mỹ Sơn được xây dựng bằng gạch đỏ, không vôi phủ ngoài, giữa các viên gạch không có mạch hồ. Các đền tháp đều có hình tứ giác. Mái tháp được cấu trúc theo nhiều tầng tháp chồng lên nhau, trên đặc dưới rỗng, càng lên cao càng nhỏ dần tạo dáng cao vút. Mặt ngoài cửa các tháp mang những đường nét và đường cong mô tả hình người, hình động vật, cỏ cây hoa lá với nhiều dáng vẻ khác nhau rất sinh động và uyển chuyển.

Thánh địa là nơi thờ tự tôn giáo của người Chăm pa cổ đó là đạo Hindu tôn thần Sinva làm vị thần tối cao và lấy biểu tượng linga làm vật thờ chính. Các đền miếu nhỏ thờ các vị thần như thần Sấm, sét, Indra, thần mặt trời Surya, thần chiến tranh Skanda... Những nghiên cứu cho thấy, khu tháp cổ nhất được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 4, sau đó các vua Chăm pa sau tiếp tục xây dựng liên tục các tháp mới trong vòng hơn 1000 năm trở thành một quần thể tháp như ngày nay. Ngoài chức năng để tế lễ, giúp những người đứng đầu nhà nước có thể đến gần hơn với nữ thần, khu Thánh địa còn là trung tâm văn hóa và tín ngưỡng của các triều đại Chăm pa, là nơi chôn cất các vị vua, các thầy tu có căn tuệ nhiều quyền lực.

3/ Biểu tượng trên lá cờ ASEAN tượng trưng cho một cộng đồng ASEAN ổn định, hòa bình,

thống nhất và năng động. Bốn màu xanh da trời, đỏ, trắng và vàng trên biểu tượng thể hiện bốn màu chủ đạo trên quốc kỳ của các nước thành viên ASEAN. Màu xanh da trời biểu hiện cho hòa bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện dũng khí và sự năng động. Màu trắng cho thấy sự thuần khiết và màu vàng là biểu trưng cho sự thịnh vượng. Bó lúa là tượng trưng cho ước mơ của các thành viên sáng lập ASEAN về một ASEAN bao gồm tất cả các nước ở Đông Nam Á quây quần trong tình hữu nghị và đoàn kết. Vòng tròn là biểu tượng cho sự thống nhất của ASEAN.

-----oOo-----

BÀI 14. NHÀ NƯỚC VĂN LANG ÂU LẠC

Phân mở đầu:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng Mười tháng Ba.

Từ lâu đời, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã ăn sâu vào tâm thức, tình cảm của những người dân Việt và trở thành truyền thống vô cùng đặc biệt của dân tộc ta. Hình ảnh bên đã phản ánh phần nào không khí của ngày giỗ Tổ. Đã bao giờ em tự hỏi: Điều gì đã thôi thúc nhân dân ta luôn hướng về mảnh đất cội nguồn?

Hướng dẫn giải:

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một phần không thể thiếu trong văn hóa của những người dân Việt Nam. Đối với người Việt đây là cội nguồn tổ tiên chung của cả dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam là đồng bào, đều có nguồn gốc, hàng năm đến ngày 10 tháng 3, người dân trên mọi miền cả nước lại tụ họp về đây để tưởng nhớ công lao dựng nước của các vua Hùng.

1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ

1/ Hãy xác định phạm vi không gian của Nhà nước Văn Lang trên lược đồ hình 2

2/ Đoạn tư liệu (tr.62) cho em biết thông tin gì về nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam?

3/ Nhà nước Văn Lang ra đời vào thời gian nào? Hãy nêu ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.

Hướng dẫn giải:

1/ Phạm vi không gian của Nhà nước Văn Lang:

- Địa bàn chủ yếu của nhà nước Văn Lang gắn liền với lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.

+ Bộ lạc Văn Lang, cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Ba Vì (Hà Nội) đến Việt Trì (Phú Thọ), là một trong những bộ lạc giàu có và hùng mạnh nhất thời đó.

+ Vào khoảng thế kỉ VII TCN, ở vùng Gia Ninh (Phú Thọ) có vị thủ lĩnh dùng tài năng khuất phục được các bộ lạc và tự xưng là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Bạch Hạc (Phú Thọ).

2/ Đoạn tư liệu (tr.62) cho em biết thông tin về sự thành lập nhà nước đầu tiên - nhà nước Văn Lang trong lịch sử Việt Nam

3/

- Nhà nước Văn Lang ra đời: Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhờ sự phát triển của công cụ bằng đồng và sắt, đời sống sản xuất của người Việt cổ đã có sự chuyển biến rõ rệt. Nhu cầu chung sống, cùng làm thủy lợi và chống ngoại xâm đã thúc đẩy sự ra đời của nhà nước đầu tiên ở Việt Nam - Nhà nước Văn Lang.

- Ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Văn Lang: Tuy còn sơ khai, chưa có pháp luật thành văn và chữ viết,... nhưng sự ra đời của Nhà nước Văn Lang đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

2. Sự ra đời Nhà nước Âu Lạc

1/ Hãy xác định trên lược đồ hình 2 (tr. 63) phạm vi không gian của Nhà nước Âu Lạc

2/ Nhà nước Âu Lạc ra đời trong bối cảnh nào? Nhà nước có gì giống và khác so với Nhà nước Văn Lang?

Hướng dẫn giải:

1/ Phạm vi không gian của Nhà nước Âu Lạc:

Sau khi nước Âu Lạc ra đời, An Dương Vương đã chuyển kinh đô từ miền trung du Phong Châu xuống vùng đồng bằng ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay). Cho xây dựng thành Cổ Loa kiên cố, trở thành trung tâm của nước Âu Lạc và là một căn cứ quân sự vững chắc, lợi hại.

2/

- Bối cảnh ra đời nhà nước Âu Lạc: Cuối thế kỉ III TCN, nhà Tần đem quân đánh Xuống phía nam. Người Lạc Việt và người Âu Việt đã đoàn kết với nhau cùng chống quân xâm lược. Họ đã cử ra "người tuần kiệt" là Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thục Phán lên làm vua, xưng gọi là An Dương Vương, lập a nước Âu Lạc (năm 208 TCN).

- Điểm giống và khác của nhà nước Âu Lạc với Nhà nước Văn Lang:

* Giống nhau:

- Có tổ chức từ trên xuống dưới

- Đơn vị hành chính: lấy làng, chạ làm cơ sở

- Vua có quyền quyết định tối cao, giúp vua cai trị đất nước là các Lạc hầu, Lạc tướng.

* Khác nhau:

- Nhà nước Âu Lạc: mở rộng hơn về mặt lãnh thổ, hoàn chỉnh hơn về tổ chức: có quân đội mạnh, vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố; quyền hành của nhà nước đã cao hơn và chặt chẽ hơn, vua có quyền thế hơn trong việc trị nước, sự phân biệt tầng lớp thống trị và nhân dân sâu sắc hơn.

- Nhà nước Văn Lang: chưa có quân đội, chưa có pháp luật, Vua Hùng quyền lực không tập trung nhiều hơn An Dương Vương

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

1/ Quan sát hình 7, 8, 9 và dựa vào thông tin trong mục a, em hãy mô tả đời sống vật chất (nguồn lương thực, nơi ở, phương tiện đi lại, trang phục, đồ trang sức...) của người Việt cổ.

2/ Những nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là gì?

3/ Trình bày những nét chính về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

Hướng dẫn giải:

1/ - Đời sống vật chất của người Việt cổ:

Nguồn lương thực: Chính là gạo nếp, gạo tẻ, muối, mắm cá,...

Nơi ở: Chủ yếu ở nhà sàn được dựng bằng tre, nứa, lá, gỗ...

Phương tiện đi lại: đi bộ, thuyền, bè, trâu, bò, ngựa, voi...

Trang phục: thường cắt tóc ngang vai, búi tóc hoặc tết tóc kiểu đuôi sam. Nam đóng khố, cởi trần, đi chân đất, nữ mặc váy, yếm. Vào dịp lễ hội họ có thể đội mũ lông chim, đeo trang sức

Đồ trang sức: vòng tay, hạt chuỗi, khuyên tai,...

2/ Những nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc:

Trồng lúa nước là nghề chính, ngoài ra họ còn trồng các loại cây hoa màu và trồng dâu, nuôi tằm

Nghề luyện kim của người Việt dần được chuyên môn hóa. Kỹ thuật đúc đồng phát triển, bước đầu biết rèn sắt

3/ Những nét chính về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:

- Về mặt tín ngưỡng, cư dân Văn Lang - Âu Lạc có tục thờ cúng tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời, ..

- Người Việt cổ có tục xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy.

- Tục cưới xin, ma chay, lễ hội khá phổ biến, nhất là hội mùa.

- Các lễ hội gắn với nền nông nghiệp trồng lúa nước cũng được tổ chức thường xuyên.

Những thành tựu về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc đã tạo nên nền văn minh đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, góp phần tạo dựng nền tảng cốt lõi của bản sắc văn hoá dân tộc.

Phản luyện tập và vận dụng

1/ Hãy ghi lại những thông tin cơ bản nhất về hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc theo các gợi

ý sau thời gian thành lập - kết thúc kinh đô; tổ chức bộ máy nhà nước, một số truyền thuyết dân gian có liên quan.

2/ Chỉ ra 3- 5 thành tựu tiêu biểu của thời đại Văn Lang - Âu Lạc. Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về thành tựu mà em thích nhất

3/ Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10-3 âm lịch hàng năm có ý nghĩa như thế nào?

Hướng dẫn giải:

1.

Nhà nước	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian thành lập và kết thúc kinh đô	Nước Văn Lang được hình thành vào khoảng năm 2879 TCN và kết thúc vào năm 258 TCN (tức là thế kỷ thứ VII TCN)	Đại Việt sử ký toàn thư cho rằng An Dương Vương làm vua từ năm 257 tới 208 TCN. Nhưng theo đối chiếu với Sử ký Tư Mã Thiên thì niên đại chính xác có lẽ là khoảng năm 208 tới 179 TCN.
Tổ chức bộ máy nhà nước	+ Kinh đô: Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ). + Tổ chức nhà nước: Đứng đầu nhà nước là vua Hùng, vua Thục. Giúp việc cho vua là các Lạc hầu, Lạc tướng. Cả nước chia làm 15 bộ do Lạc tướng đứng đầu. Ở các làng xã đứng đầu là Bô chính.	+ Kinh đô: Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội). + Lãnh thổ mở rộng hơn, tổ chức bộ máy Nhà nước chặt chẽ hơn. + Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc.
Một số truyền thuyết dân gian có liên qua	Lạc Long Quân - Âu cơ	truyện An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí...

2/

* Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu thời đại Văn Lang - Âu Lạc:

- Hiện vật tiêu biểu cho văn minh Văn Lang - Âu Lạc là Trống đồng.
- Công trình tiêu biểu cho văn minh Văn Lang - Âu Lạc là thành Cổ Loa.
- Lưỡi cày đồng, ngành luyện kim đồng thau

* Giới thiệu về Trống Đồng:

Từ muôn đời nay, trống đồng Đông Sơn đã là biểu tượng cho văn hóa Đông Sơn cũng như nền văn minh sông Hồng của người Việt cổ thời vua Hùng Vương dựng nước Văn Lang. Và trống đồng đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Trống đồng như một vật quý báu hội tụ hồn thiêng sông núi, tích tụ những tinh hoa dân tộc trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt. Trong suốt hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và cho đến ngày nay chiếc trống đồng là vật tượng trưng cho tinh hoa văn hóa cũng như ý chí quật cường của dân tộc ta. Hiện nay, trong các buổi nghi lễ trang nghiêm như dịp lễ hội tiếng trống đồng vang lên uy nghi tạo không khí thiêng liêng làm tăng lên niềm tự hào dân tộc.

3/ Ý nghĩa của lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10-3 âm lịch hàng năm:

Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 (âm lịch) hay còn gọi là lễ hội Đền Hùng diễn ra tại Đền Hùng, thành phố Việt Trì, Phú Thọ. Đây là ngày hội truyền thống để tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng, được nhân dân ta ở trong nước cũng như ở nước ngoài thành kính kỷ niệm. Ngày 10/3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày Quốc giỗ và cả nước được nghỉ lễ. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức với mục đích tăng cường văn hoá tín ngưỡng truyền thống của người Việt, mặt khác cũng tăng cường sự đoàn kết các dân tộc và tình hữu nghị giữa các dân tộc Việt Nam. Đây là nghi lễ cần được giữ gìn và phát huy giúp cho mọi người dân Việt Nam hiểu được lịch sử dân tộc và tổ tiên họ.

-----o0o-----

BÀI 15. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA PHONG KIẾN HƯỚNG BẮC

VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC

Phần mở đầu

Thành Cổ Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) từ thời Hán đã là trị sở của chính quyền đô hộ. Đây cũng là nơi lưu lại dấu tích liên quan đến chính sách cai trị và sự chuyển biến trong đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của người Việt thời Bắc thuộc. Sự hiện diện của những dấu tích ấy gợi cho em suy nghĩ gì về giai đoạn lịch sử đặc biệt này?

1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

1/ Hãy cho biết một số chính sách để áp đặt bộ máy cai trị của phong kiến phương Bắc ở nước ta.

2/ Đoạn tư liệu 1 và thông tin trên cho em biết điều gì về chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc

3/ Chính quyền phong kiến phương Bắc đã thực hiện chính sách cai trị văn hoá như thế nào?

Hướng dẫn giải:

1/ Một số chính sách để áp đặt bộ máy cai trị của phong kiến phương Bắc ở nước ta:

Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc

Chia thành đơn vị hành chính như châu - quận, dưới châu - quận là huyện

Thiết lập bộ máy cai trị do người Hán nắm giữ đến tận các huyện

Chính quyền đô hộ cho xây đắp các thành lũy lớn ở trị sở các châu, quận như thành Luy Lâu (Bắc Ninh), thành Tống Bình - Đại La (Hà Nội)... và bố trí lực lượng quân trú để bảo vệ chính quyền

Áp dụng luật pháp hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

2/ Đoạn tư liệu 1 và thông tin trên cho em biết về chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc

Thi hành chính sách bóc lột bằng các thứ thuế (nặng nhất là thuế sắt và muối),

Chính sách cống nạp nặng nề, bắt dân ta cống nạp nhiều loại vải vóc, hương liệu, sản vật quý

Cướp ruộng đất, buộc dân ta cày cấy thực hiện đồn điền, nắm độc quyền sắt và muối.

3/ Chính quyền phong kiến phương Bắc đã thực hiện chính sách cai trị văn hoá :

Về chính sách đồng hóa: Đưa người Hán sang ở cùng người Việt, buộc dân ta phải học chữ Hán và tiếng Hán, mở các lớp dạy chữ hán tại các quận; tuân theo luật pháp và phong tục tập quán của người Hán, tìm cách xóa bỏ những phong tục tập quán của người Việt.

2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

1/ Hãy nêu sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở nước ta dưới thời Bắc thuộc.

2/ Theo em, thành phần nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? Vì sao?

Hướng dẫn giải:

1/ Sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở nước ta dưới thời Bắc thuộc:

Trồng lúa nước vẫn là nghề chính bên cạnh trồng cây ăn quả, hoa màu và chăn nuôi. Sự phát triển của công cụ sản xuất và kĩ thuật đắp đê, làm thủy lợi đã tạo nên những vùng trồng lúa nước rộng lớn. Các nghề rèn sắt, đúc đồng, làm gốm, làm mộc, làm đồ trang sức (vàng, bạc) vẫn tiếp tục được duy trì với kĩ thuật sản xuất cao hơn. Một số nghề mới xuất hiện như làm giấy, thủy tinh.

Một số đường giao thông thủy, bộ được hình thành. Hoạt động buôn bán trong nước và với các nước khác được đẩy mạnh hơn trước.

2/ Thành phần nông dân công xã sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt. Vì đây là thành phần chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi chính sách cướp đoạt ruộng đất và tô thuế của phong kiến Bắc thuộc. Vì thế họ căm ghét sâu đậm và mong muốn đấu tranh nhất trong xã hội.

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Tại sao chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt?

2/ Em có suy luận gì về hậu quả chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến

phương Bắc theo bảng dưới đây.

Lĩnh vực	Thông tin phản ánh	Suy luận về hậu quả
Đất đai	Chiếm ruộng đất, lập thành ấp trai để bắt dân ta cày cấy.	Người Việt mất ruộng bị biến thành nông nô của nhà nước đô hộ
Thuế khóa - Cống nạp	- Áp đặt chính sách tô thuế nặng nề.- Bắt cống nạp nhiều vải vóc, hương liệu và sản vật quý để đưa về Trung Quốc	?
Thủ công nghiệp	Nắm độc quyền về sắt và muối	?

Hướng dẫn giải:

1/ Chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt vì:
Chúng muốn biến nước ta thành lãnh thổ của chúng, biến nhân dân thành nô lệ của Trung Quốc, xoá bỏ quốc hiệu nước ta trên bản đồ thế giới

Muốn cướp đoạt lãnh thổ, sản vật quý, vải vóc, hương liệu để đưa về Trung Quốc

Muốn bành trướng sức mạnh

2/ Hậu quả chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc để lại hết sức nặng nề:

Lĩnh vực	Thông tin phản ánh	Suy luận về hậu quả
Đất đai	Chiếm ruộng đất, lập thành ấp trai để bắt dân ta cày cấy.	Người Việt mất ruộng bị biến thành nông nô của nhà nước đô hộ
Thuế khóa - Cống nạp	- Áp đặt chính sách tô thuế nặng nề. - Bắt cống nạp nhiều vải vóc, hương liệu và sản vật quý để đưa về Trung Quốc	Bóc lột sức lao động, cướp đoạt tài sản của nhân dân ta Khiến đất nước ta đói kém, nghèo nàn, kém phát triển
Thủ công nghiệp	Nắm độc quyền về sắt và muối	- Đánh nặng thuế sắt là để nhân dân ta không có đủ cơ hội để sản xuất vũ khí chống lại chúng. - Đánh nặng thuế muối là vì muốn nhân dân ta cơ thể ốm yếu, ngu dốt, lạc hậu giúp thi hành chính sách ngu dân để dễ bề cai trị, vì muối là thành phần thiết yếu và quan trọng trong bữa ăn

-----oOo-----

BÀI 16. CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X

Phân mở đầu

Em đã biết, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phương Bắc đã tìm "trăm phương nghìn kế" để áp đặt ách cai trị đối với nước ta. Nhưng thực tế lịch sử có thuận theo ý đồ của họ không? Em suy nghĩ gì về lời phàn nàn của viên Thái thú người Hán: Dân xứ ấy rất khó cai trị?

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

1/ Hãy cho biết nguyên nhân và mục đích của cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng

2/ Hãy trình bày diễn biến chính của Khởi nghĩa Hai Bà Trưng trên lược đồ hình 2 (tr. 75).

3/ Đoạn tư liệu và hình 3 cho em biết điều về khí thế của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và

tình thế của chính quyền đô hộ?

4/ Khai thác thông tin và đoạn tư liệu 2 ở trên, hãy cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Hướng dẫn giải:

1/ Nguyên nhân và mục đích của cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng:

Mùa xuân năm 40, do chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Hán đã làm cho nhân dân ta ở khắp nơi đều căm phẫn, muốn nổi dậy chống lại.

Hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh, có lòng yêu nước, chí căm thù quân xâm lược sâu sắc.

Đề đền nợ nước, trả thù nhà Hai Bà Trưng đã dựng cờ khởi nghĩa.

2/ Diễn biến chính của Khởi nghĩa Hai Bà Trưng trên lược đồ hình 2:

Trưng Trắc, Trưng Nhị phát cờ nổi dậy khởi nghĩa tại cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn). Tướng lĩnh khắp 65 thành trì đều quy tụ về với cuộc khởi nghĩa

Từ sông Hát, nghĩa quân theo đường sông Hồng tiến xuống chiếm căn cứ quân Hán ở Mê Linh và Cổ Loa

Nghĩa quân tiếp tục tấn công thành Luy Lâu và chiếm được trị sở của chính quyền đô hộ

Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc được suy tôn làm vua, đóng đô ở Mê Linh

3/ Khí thế của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và tình thế của chính quyền đô hộ:

Khí thế hùng dũng, oai phong, mãnh liệt cùng lòng yêu nước, căm thù giặc sục sôi đã giúp Hai Bà Trưng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa thành công.

Tình thế quân đô hộ rơi vào cảnh thất bại, liên tục mất các căn cứ, bị chiếm trị sở. "Thái thú Giao Chỉ là Tô Định hoảng hốt cũng tháo chạy. Để thoát thân, Tô Định phải cạo tóc, cạo râu, trà trộn vào loạn quân, vứt bỏ ấn tín mà chạy. Tương truyền người Việt đương thời vẫn có tục lệ phổ biến là cạo tóc, nên Tô Định làm như vậy để bắt chước cho khỏi bị phát hiện trên đường trốn"

4/ Kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:

- Kết quả: Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi.

- Ý nghĩa lịch sử:

Nền độc lập dân tộc được khôi phục.

Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc.

Khẳng định ý thức độc lập của dân tộc.

Khẳng định vai trò lớn lao của người phụ nữ Việt Nam.

2. Khởi nghĩa Bà Triệu

1/ Nêu nguyên nhân và mục đích của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

2/ Hãy trình bày diễn biến chính và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

Hướng dẫn giải:

1/ Nguyên nhân và mục đích của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

Nguyên nhân: Đầu thế kỉ II, do chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Ngô, phong trào đấu tranh của người Việt tiếp tục bùng nổ, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

Mục đích: Chống lại ách thống trị, đòi lại đất nước, bảo vệ cuộc sống người dân

2/ Diễn biến chính và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu:

Năm 248, từ căn cứ ở núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá), khởi nghĩa bùng nổ

Lực lượng nghĩa quân đã đánh hạ nhiều huyện lỵ, thành ấp ở Cửu Chân, Cửu Đức, Nhật Nam. Quan lại nhà Ngô từ thái thú đến huyện lệnh, huyện trưởng hoặc bị giết, hoặc bỏ trốn. Cuộc khởi nghĩa khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động.

Trước tình hình đó, nhà Ngô đã cử 8 000 quân sang đàn áp. Do lực lượng quân Ngô quá mạnh, khởi nghĩa đã bị đàn áp, Bà Triệu anh dũng hi sinh tại khu vực núi Tùng (Thanh Hoá).

3. Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

1/ Dựa vào sơ đồ hình 5 (tr.78), hãy trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Lý Bí và công cuộc bảo vệ nước Vạn Xuân.

2/ Hãy cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.

Hướng dẫn giải:

Diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Lý Bí và công cuộc bảo vệ nước Vạn Xuân:

* Diễn biến:

Năm 542, Lý Bí phát cờ khởi nghĩa ở Thái Bình. Hào kiệt ở khắp nơi kéo về hưởng ứng: Tinh Thiều, Phạm Tu, Triệu Túc,...

Trong vòng chưa đầy 3 tháng, nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận huyện.

Tháng 4/542, nhà Lương cử quân sang đàn áp, bị nghĩa quân đánh bại, giải phóng được Hoàng Châu.

Đầu năm 543, nhà Lương đàn áp lần hai.

Nghĩa quân ta chủ động đón đánh địch ở Hợp Phố và giành thắng lợi.

- Kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.

* Kết quả :

Lý Bí lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế) vào mùa xuân năm 544.

Đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng kinh đô ở vùng cửa sông Tô Lịch, lập triều đình với 2 ban văn võ.

* Ý nghĩa: Cuộc khởi nghĩa Lý Bí cho ta thấy đc lòng yêu nước, sự quyết giành lại độc lập, tự do của đất nước ta trong lòng mỗi người dân. Đồng thời khi Lý Bí lên ngôi hoàng đế còn cho thấy rằng nước ta đã là một nước độc lập, có dân, có vua và có hạnh phúc, ấm no.

4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

1/ Hãy trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan trên lược đồ

2/ Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc?

Hướng dẫn giải:

1/ Diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan:

Khoảng cuối những năm 10 của thế kỉ VIII, nhân phải tham gia đoàn người gánh vãi (quả) nộp cống, Mai Thúc Loan đã kêu gọi những người dân phu bỏ về quê, mộ binh nổi dậy.

Nghĩa quân nhanh chóng chiếm thành Hoan Châu. Nhân dân Ái Châu, Diên Châu nổi dậy hưởng ứng. Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn) xây dựng căn cứ. Ông xưng đế, nhân dân gọi là Mai Hắc Đế (vua Đen)

Mai Hắc Đế liên kết với nhân dân khắp Giao Châu và Cham pa kéo quân sang tấn công thành Tống Bình. Viên đô hộ Giao Châu là Quang Sở Khách phải chạy về Trung Quốc.

Năm 722, nhà Đường cử Dương Tư Húc đem 10 vạn quân sang đàn áp. Mai Hắc Đế thua trận. Quân giặc điên cuồng tàn sát nghĩa quân và nhân dân

2/ Sau khi khởi nghĩa Mai Thúc Loan kết thúc, dù thất bại nhưng đó đã để lại những ý nghĩa vô cùng to lớn.

Đó là cuộc khởi nghĩa đã thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do cho dân tộc.

Hơn thế nữa, nó còn cổ vũ tinh thần chiến đấu của nghĩa quân và nhân dân ta trong những cuộc khởi nghĩa ở giai đoạn tiếp theo.

5. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Trình bày nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng

Hướng dẫn giải:

Nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng:

* Nguyên nhân: Do chính sách bóc lột nặng nề của nhà Đường.

* Kết quả: Khởi nghĩa thất bại nhưng đã giành quyền làm chủ trong 9 năm

* Ý nghĩa:

Khẳng định quyết tâm giành lại độc lập dân tộc, tự chủ, mong muốn dân tộc được hòa bình, tự do của người Việt

Phản ánh nổi bất bình của nhân dân ta trước những chính sách tàn bạo của quân xâm lược

Mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau.

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Hãy lập bảng hệ thống các cuộc khởi nghĩa: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan và Phùng Hưng theo gợi ý sau: thời gian bùng nổ, nơi đóng đô của chính quyền tự chủ (nếu có), kết quả, ý nghĩa.

2/ Từ kết quả của bài tập 1 và dựa vào kiến thức đã học, em có nhận xét gì về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta?

3/ Em hãy tìm hiểu thêm thông tin từ sách, báo và internet để biết hiện nay có những con đường, trường học, di tích lịch sử nào,... được mang tên Hai Bà Trưng, Lý Bí và Mai Thúc Loan. Điều này gợi cho em suy nghĩ gì?

Hướng dẫn giải:

1/

	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng	Khởi nghĩa Bà Triệu	Khởi nghĩa Lý Bí	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan	Khởi nghĩa Phùng Hưng
Thời gian bùng nổ	Năm 40 - 43	Năm 248	Năm 542 - 602	Năm 713 - 722	Cuối thế kỉ VIII
Nơi đóng đô	Mê Linh	Căn cứ ở núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá)	Đóng đô ở vùng của sông Tô Lịch (Hà Nội)	Xây thành Vạn An (Nghệ An)	Phủ Tổng Bình (Hà Nội)
Kết quả	Thắng lợi	Thất Bại	Thắng lợi	Thắng lợi	Thắng lợi
Ý nghĩa	Nền độc lập dân tộc được khôi phục. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc. Khẳng định ý thức độc lập của dân tộc. Khẳng định vai trò lớn lao của người phụ nữ Việt Nam.	Không chỉ làm rung chuyển đô hộ mà còn góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa Lý Bí	Cuộc khởi nghĩa Lý Bí cho ta thấy đc lòng yêu nước, sự quyết giành lại độc lập, tự do của đất nước ta trong lòng mỗi người dân. Đồng thời khi Lý Bí lên ngôi hoàng đế còn cho thấy rằng nước ta đã là một nước độc lập, có dân, có vua và có hạnh phúc, ấm no	Là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, đánh dấu mốc quan trọng trên con đường đấu tranh để giải phóng dân tộc	Khẳng định quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau

2/ Nhận xét về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta:

Trong thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta đã rất anh dũng, kiên cường chống trả lại quân xâm lược. Có một ý chí lớn mạnh không chịu khuất phục, gục ngã trước sự tàn bạo, độc ác của quân đô hộ. Tất cả chứng tỏ nhân dân ta đoàn kết, đồng lòng và có tình yêu nước nồng nàn, mãnh liệt.

3/

* Một số tên trường, tên đường mang tên các vị anh hùng:

Trường THPT Mai Thúc Loan ở Xã Thạch Châu - Huyện Lộc Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Đường Hai Bà Trưng nằm ở quận 1 và quận 3 TP.HCM, đường Hai Bà Trưng ở Hà Nội

Trường mầm non Lý Bôn ở Cao Bằng

* Ý nghĩa: Thể hiện sự biết ơn, tôn thờ các vị vua, vị anh hùng có công với dân với nước.

Đồng thời nhắc nhở thế hệ trẻ giữ gìn và xây dựng đất nước để xứng đáng với công lao ấy

-----o0o-----

BÀI 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT

Phần mở đầu

Sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm thủ tiêu văn hoá của người Việt. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, em có biết, người Việt đã làm gì để bảo vệ những giá trị văn hoá truyền thống của mình. Điều gì đã tạo nên sự kỳ diệu đó?

1. Sức sống của nền văn hóa bản địa

1/ Hãy chỉ ra những phong tục của người Việt được nhắc đến trong tư liệu trên

2/ Hãy cho biết một số nét văn hóa của người Việt vẫn được duy trì trong thời Bắc thuộc

Hướng dẫn giải:

1/ Những phong tục của người Việt được nhắc đến trong tư liệu trên: xăm mình, xăm trau, ăn trầu, búi tóc, nhuộm răng đen,...

2/ Một số nét văn hóa của người Việt vẫn được duy trì trong thời Bắc thuộc: thờ cúng tổ tiên, tảo mộ, tưởng niệm thần thành hoàng ở đình làng, viết chữ Nho, xin chữ,...

2. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa

Trong thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta đã tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa như thế nào?

Hướng dẫn giải:

Trong suốt thời Bắc thuộc, nhân dân ta đã tiếp thu CÓ chọn lọc những yếu tố văn hoá Trung Hoa để phát triển văn hoá dân tộc:

Học một số phát minh kỹ thuật như làm giấy, chế tạo đồ thủy tinh,...

Tiếp thu một số là tết như tết Hàn thực, Đoan Ngọ, Trung thu nhưng đã có sự vận dụng cho phù hợp với văn hoá của người Việt

Tiếp thu Đạo giáo, có sự hoà nhập với tín ngưỡng dân gian

Tiếp thu chữ Hán, một số quy tắc lễ nghĩa, cách đặt tên họ giống người Hán, tư tưởng gia trưởng, phụ quyền, nhưng vẫn giữ gìn truyền thống tôn trọng người già và phụ nữ

Đón nhận một số dòng Phật giáo. xuất hiện nhiều vị cao tăng nổi tiếng đã sang kinh đô nhà Đường để giảng kinh cho vua Đường

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Nhân dân ta đã làm gì để bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc trong hàng nghìn năm Bắc thuộc?

2/ "Bị đô hộ hàng mười thế kỷ mà sau mấy nghìn năm – Ta vẫn là ta - hẳn không phải vì mũi tên nhọn hơn, bắp thịt cứng hơn mà chủ yếu là nhờ văn hoá, nhờ đạo lí, nhờ hệ giá trị tinh thần của riêng mình." (Trần Văn Giàu). Dựa vào nhận định trên và kiến thức đã học, em hãy cho biết yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất giúp người Việt không bị đồng hoá và vẫn luôn nuôi dưỡng ý chí giành lại độc lập sau hàng nghìn năm bị đô hộ.

3/ Hãy chỉ ra những phong tục của người Việt trong thời kì Bắc thuộc vẫn được duy trì đến ngày nay.

Hướng dẫn giải:

1/ Người Việt luôn có ý thức giữ gìn nền văn hóa bản địa của mình:

Tiếng Việt vẫn được người dân truyền dạy cho con cháu. Người Việt vẫn nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ.

Những tín ngưỡng truyền thống tiếp tục được duy trì như: thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên,...

Trong các làng xã, những phong tục tập quán như búi tóc, xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy,... vẫn được lưu truyền từ đời này qua đời khác

2/ Yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất giúp người Việt không bị đồng hoá và vẫn luôn nuôi dưỡng ý chí giành lại độc lập sau hàng nghìn năm bị đô hộ vì:

Người Việt hiểu rõ Trung Quốc và ý đồ đồng hóa của họ

Người Việt đoàn kết, yêu nước, yêu văn hóa của mình

Sự sáng tạo của người Việt: tiếp thu chọn lọc, đọc chữ Hán bằng tiếng Việt

Truyền thống dựng nước và giữ nước, bảo vệ văn hóa dân tộc

3/ Những phong tục của người Việt trong thời kì Bắc thuộc vẫn được duy trì đến ngày nay: làm bánh chưng bánh giầy, xăm mình, ăn trầu ở một số vùng quê...

-----o0o-----

BÀI 18 BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

Phần mở đầu

Mùa xuân năm 40, lịch sử từng vang lên lời thề bất hủ của Hai Bà Trưng: "Một xin rửa sạch nước thù, Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng". Nhưng trong khoảng gần 900 năm, từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Bí, Mai Thúc Loan,.. đều chưa thực hiện được trọn vẹn lời thề. Cuối cùng, ai là người đã hoàn thành trọn vẹn được ước nguyện độc lập thiêng liêng ấy và thực hiện thông qua sự kiện nào?

1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ

1/ Hãy cho biết những việc làm của Khúc Thừa Dụ và Khúc Hạo để gây dựng nền tự chủ cho dân tộc

2/ Theo em, những việc làm của cha con Khúc Thừa Dụ có ý nghĩa gì?

3/ Dựa vào thông tin kết hợp với khai thác lược đồ, em hãy trình bày ngắn gọn về diễn biến, kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

Hướng dẫn giải:

1/ Những việc làm của Khúc Thừa Dụ và Khúc Hạo để gây dựng nền tự chủ cho dân tộc:

Xây dựng chính quyền tự, độc lập với phong kiến phương Bắc

Đặt lại các khu vực hành chính, cử người trông coi mọi việc đến tận xã

Định lại mức thuế cho công bằng, bãi bỏ mọi thứ lao dịch của thời Bắc thuộc

Lập lại sổ hộ khẩu, khai rõ quê quán để quản lí cho thống nhất

Tha bỏ lực dịch cho dân bớt khổ

2/ Ý nghĩa những việc làm của cha con Khúc Thừa Dụ: tiếp tục củng cố, xây dựng nền tự chủ để khẳng định cuộc sống của người Việt do người Việt tự cai quản, tự quyết định tương lai của mình.

3/

* Diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ

Mùa thu năm 930, quân Nam Hán sang xâm lược nước ta, đặt cơ quan đô hộ ở Tống Bình (Hà Nội).

Năm 931, một tướng cũ của Khúc Hạo là Dương Đình Nghệ đã đem quân từ Thanh Hóa ra Bắc bao vây, tấn công thành Tống Bình.

Quân Nam Hán tại Tống Bình thất bại, viện binh của chúng cũng bị đánh tan tã.

Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi. Đất nước ta giành lại được quyền tự chủ, Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ tiếp tục xây dựng nền tự chủ.

* Kết quả:

Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất của Dương Đình Nghệ thắng lợi có ý nghĩa:

Lật đổ chính quyền đô hộ, xây dựng chính quyền tự chủ.

Là sự kiện mở đầu cho thời kì độc lập hoàn toàn của dân tộc ta.

Khẳng định tinh thần chiến đấu của nhân dân ta, luôn sẵn sàng và có đủ sức mạnh để bảo vệ độc lập dân tộc từ đời này sang đời khác.

2. Ngô Quyền và khúc tráng ca sông Bạch Đằng

1/ Quan sát hình 5 và khai thác đoạn tư liệu 1, em hãy cho biết Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc như thế nào.

2/ Theo em, trận địa cọc Bạch Đằng sẽ gây khó khăn gì cho quân giặc?

3/ Dựa vào lược đồ hình 6 và tư liệu 2 hãy thuật lại ngắn gọn diễn biến trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938 trên lược đồ

4/ Theo em điểm độc đáo trong các tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện thể nào?

5/ Dựa vào tư liệu 3, em hãy cho biết ý nghĩa chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

Hướng dẫn giải:

1/ a) Kế hoạch đánh giặc

Năm 938, quân Nam Hán do Hoảng Tháo làm chủ tướng từ Quảng Đông theo đường biển ồ ạt tiến sang xâm lược nước ta.

Trước vận nước lâm nguy, Ngô Quyền đã gấp rút chuẩn bị kế hoạch đối phó với quân Nam Hán. Vùng cửa sông Bạch Đằng được lựa chọn để bố trí trận địa đánh giặc.

Ngô Quyền cho quân vớt nhọn cọc lớn, đầu vớt bịt sắt, sau đó đóng ngầm cọc ở cửa biển. Lợi dụng thủy triều lên xuống theo tự nhiên để dễ dàng chế ngự địch

2/ Khó khăn của quân giặc:

Giặc không thông thạo địa hình, không nắm được thủy triều trong khi quân ta làm chủ địa hình

Mang thái độ chủ quan, khinh địch, cậy là nước lớn nên coi thường quân ta

Quân Hán phải đánh lại một đất nước đoàn kết, quật cường, căm thù những kẻ xâm lăng

3/ Diễn biến trận Bạch Đằng:

Cuối năm 938, quân Nam Hán do Lưu Hoảng Tháo làm chủ tướng từ Quảng Đông kéo vào nước ta theo đường biển. Trước vận nước lâm nguy, Ngô Quyền gấp rút chuẩn bị hoạch đánh giặc

Ngô Quyền cho một toán thuyền nhẹ ra đánh như quân địch vào sông Bạch Đằng lúc nước triều đang lên.

Lưu Hoảng Tháo hăm hở đốc quân đuổi theo, lọt vào trận địa mai phục của ta mà không biết.

Nước triều rút, Ngô Quyền hạ lệnh đốc toàn lực lượng đánh quật trở lại. Quân Nam Hán chống cự không nổi phải rút chạy ra biển.

Quân giặc thiệt hại quá nửa, tướng giặc Lưu Hoảng Tháo bị chết. Vua Nam Hán được tin bại trận đã hốt hoảng, vội hạ lệnh thu quân về nước.

Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền đã kết thúc thắng lợi.

4/ Điểm độc đáo trong kế hoạch đánh giặc:

Quân ta chủ động: đón đánh quân xâm lược bằng cách bố trí lực lượng hùng mạnh và xây dựng trận địa bãi cọc ngầm trên sông Bạch Đằng

Lợi dụng thủy triều, xây dựng trận địa bãi cọc ngầm với hàng nghìn cây cọc nhọn... chỉ sử dụng thuyền nhỏ, nhẹ để dễ lườn lách ở bãi cọc.

Thuyền địch to, cồng kềnh rất khó khăn khi tìm cách thoát khỏi bãi cọc lúc nước triều xuống...

5/ Ý nghĩa:

Là cơ sở sau này cho việc khôi phục quốc thống.

Là chiến thắng lịch sử vẻ vang của dân tộc ta: kết thúc 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập lâu dài cho dân tộc ta

Phần luyện tập và vận dụng

1/ Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đã có công lao gì đối với lịch sử dân tộc?

2/ Tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán?

3/ Lựa chọn một trong hai yêu cầu dưới đây và thực hiện:

+ Viết (khoảng 7-10 câu) về một nhân vật lịch sử trong thế kỉ X mà em yêu thích nhất và chia sẻ với bạn.

+ Sưu tầm thêm thông tin, hình ảnh có liên quan đến một vấn đề mà em tâm đắc nhất của bài học từ sách, báo hoặc internet và tập trình bày theo cách của mình.

Hướng dẫn giải:

1/ Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đã có công lao to lớn đối với lịch sử dân tộc:

Có công lao to lớn trong việc giành được quyền độc lập, tự chủ cho dân tộc, chấm dứt ách thống trị hơn 1000 năm của bọn phong kiến thống trị phương Bắc.

Các trận chiến của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ tạo tiền đề vững chắc cho tướng Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán lần hai, mở đầu nền độc lập cho dân tộc.

2/ Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán vì:

- Do vị trí địa lý của sông Bạch Đằng: Sông Bạch Đằng nằm ở phía Đông Bắc nước ta. Đây là con đường biển ngắn nhất từ phía đông nam trung quốc tiến xuống nước ta. Do đó nhà Nam Hán đã lựa chọn con đường này

- Do đặc điểm tự nhiên của sông Bạch Đằng:

Sông Bạch Đằng có tên nôm là sông Rừng vì hai bên bờ là rừng rậm => thuận lợi cho việc đặt phục binh mai phục

Sông có hải lưu thấp, độ dốc không lớn nên chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Mực nước sông lúc triều lên xuống chênh lệch nhau đến 3m => thuận lợi để xây dựng trận địa cọc ngầm

3/

+ Viết (khoảng 7-10 câu) về một nhân vật lịch sử trong thế kỉ X mà em yêu thích nhất và chia sẻ với bạn:

Ngô Quyền sinh năm 898, mất năm 944, là người Đường Lâm (nay là Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội). Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng năm 938 mở ra trang sử chói lọi của dân tộc, vĩnh viễn chấm dứt ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Đất nước giành được độc lập, tự chủ. Sau trận đại thắng lừng danh kim cổ trên sông Bạch Đằng, đập tan quân Nam Hán xâm lược, Ngô Quyền lên ngôi vua, mở ra thời kỳ trung hưng rực rỡ của dân tộc. Bởi vậy, Ngô Quyền được giới sử gia tôn vinh là “vua đứng đầu các vua”, hay là “vị tổ trung hưng” của nước Việt. Mùa xuân năm 939, Ngô Quyền lên ngôi, xưng là Ngô Vương, đóng đô ở Cổ Loa, mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ cho nước Việt ta. Hiện nay, để tưởng nhớ công lao của ông, nhiều ngôi trường, con đường được đặt theo tên ông.

+ Sưu tầm thêm thông tin, hình ảnh có liên quan đến một vấn đề mà em tâm đắc nhất của bài học từ sách, báo hoặc internet và tập trình bày theo cách của mình: Vấn đề "cuộc cải cách đầu tiên của lịch sử Việt Nam"

Cuộc cải cách đầu tiên trong lịch sử Việt Nam được tiến hành vào năm 907 do Tiết độ sứ Giao Châu - Khúc Hạo thực hiện. Ông chính là nhà cải cách đầu tiên trong lịch sử thiết lập được sự quản lý của mình tới tận làng xã, điều mà các triều đại đô hộ phương Bắc không thể làm được. So với chính quyền cũ, cuộc cải cách của Khúc Hạo đã tạo ra cho xã hội Việt Nam thời bấy giờ những điểm mới. Cải cách triển khai trên các mặt về hành chính, thuế, hộ tịch, hộ khẩu, đã đem lại những thay đổi tích cực cho xã hội. Cụ thể về cơ cấu tổ chức nhà nước Khúc Hạo chia cả nước thành 5 cấp hành chính bao gồm: lộ, phủ, châu, giáp, xã; đổi hương thành giáp. Ở giáp và xã lần đầu tiên được đặt ra chức quan quản lý bao gồm Quản giáp và Phó tri giáp (cấp giáp); Chánh lệnh trưởng và Tá lệnh trưởng (cấp xã), cả nước dưới thời Khúc Hạo có 314 giáp, mỗi giáp gồm khoảng 10 xã. Mục đích của việc phân chia là để quản lý và thực thi các chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội do cải cách ban hành. Bên cạnh định lại mức thuế cho công bằng chính quyền Khúc Hạo còn ban hành một số chính sách tích cực như định ra “hộ tịch”, “lập lại hộ khẩu, kê rõ họ tên, quê quán”, “Tha bỏ lực dịch”. Những chính sách trên nhằm nắm vững dân số, thấu hiểu dân tình hơn đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân có cuộc sống ổn định. Cuộc cải cách đã có tác động tích cực,

điều đó được nói vắn tắt trong 4 chữ: “khoan, giản, an, lạc” mà trong sử ta chép rõ là: “Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị. Nhân dân đều được yên vui”.

-----o0o-----

BÀI 19 VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ XX ĐẾN THẾ X

Phần mở đầu

Dưới đây là đài thờ Trà Kiệu, một kiệt tác điêu khắc Chăm-pa (thế kỉ IX). Hình ảnh này gợi cho em suy nghĩ gì về trình độ kĩ thuật cũng như đời sống văn hóa của cư dân Chăm - pa xưa?

1. Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của Vương quốc Chăm-pa

1/ Vương quốc Chăm-pa được hình thành ở đâu và từ khi nào?

2/ Hãy giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển của Vương quốc từ thế kỉ I đến thế kỉ X

Hướng dẫn giải:

1/ Lịch sử hình thành vương quốc Chăm-pa:

Thời kì Bắc thuộc, nhà Hán đã thiết lập ách cai trị đối với vùng đất ở phía Nam dãy Hoàng Sơn nước ta, đặt tên gọi là quận Nhật Nam. Năm 192, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, người dân Tượng Lâm (huyện xa nhất của quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách cai trị ngoại bang, lập ra nước Lâm Ấp (tên gọi ban đầu của Vương quốc Chăm-pa).

2/ Chặng đường phát triển từ thế kỉ I tới thế kỉ XX:

Vương quốc Chăm-pa phát triển qua nhiều giai đoạn, gắn liền với vai trò của những vùng địa lí khác nhau.

Trước thế kỉ VIII, người Chăm đã xây dựng một vương quốc khá hùng mạnh ở ven sông Thu Bồn, với kinh đô là Sin-ha-pu-ra (ở Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam ngày nay)

Thế kỉ VIII, kinh đô của Chăm-pa dịch chuyển về phía nam với tên gọi Vi-ra-pu-ra (ở vùng đất Phan Rang, Ninh Thuận ngày nay).

Thế kỉ IX, người Chăm lại chuyển kinh đô về Đồng Dương (Thăng Bình, Quảng Nam ngày nay), có tên là In-đra-pu-ra.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

1/ Nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa.

2/ Ghi chép trong đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì về các hoạt động buôn bán trên biển của người Chăm xưa?

3/ Hãy vẽ sơ đồ mô tả các thành phần trong xã hội Chăm-pa và nêu nhận xét

Hướng dẫn giải:

1/ Những hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa:

Nông nghiệp trồng lúa nước, mỗi năm 2 vụ, sử dụng công cụ bằng sắt, dùng trâu bò kéo cày, biết làm ruộng bậc thang, sáng tạo xe guồng nước.

Sản xuất các mặt hàng thủ công (đồ gốm, trang sức, dụng cụ sản xuất)

Khai thác các nguồn lợi tự nhiên trên rừng, khai thác lâm thổ sản (trầm hương, ngà voi, sừng tê, ...)

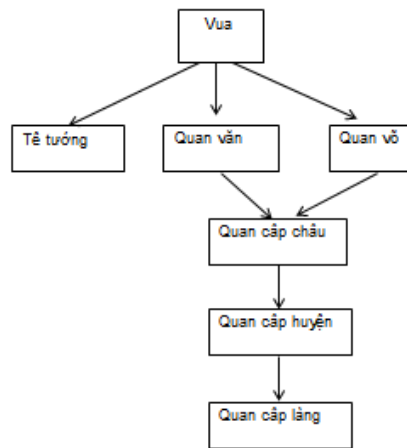
Ngoài ra họ còn trồng cây ăn quả (cau, dừa, mít)

Người Chăm-pa cũng buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc và Ấn Độ.

Đi biển

2/ Ghi chép trong đoạn tư liệu trên cho biết về sầm uất của giao thương trên biển người dân Chăm-pa. Người Chăm-pa giỏi đi biển. Vương quốc Chăm-pa là một trung tâm buôn bán quốc tế thời bấy giờ, kết nối với Trung Hoa, Ấn Độ và các nước Ả rập. Cảng thị Cù Lao Chàm là nơi giao thương chính, cung cấp nước ngọt, trầm hương, và một số mặt hàng khác.

3/ Hãy vẽ sơ đồ mô tả các thành phần trong xã hội Chăm-pa:



Sơ đồ mô tả các thành phần trong xã hội Chăm-pa

Nhận xét:

- Vua có quyền tuyệt đối với ruộng đất và thần dân. Các vua luôn đồng nhất mình với thần thánh, luôn tự cho mình là “Đấng thiêng liêng” hoặc “Đấng tối cao”... Giúp việc nhà vua có bộ máy quan lại ở trung ương và địa phương.

- Bộ máy quan lại chắc đã được tổ chức tương đối hoàn chỉnh ngay từ thời Gangaragia

3. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu

1/ Kể tên một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Chăm trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên

2/ Dựa vào hình 6, em có nhận xét gì về những công trình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm xưa?

Hướng dẫn giải:

1/ Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Chăm trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên:

a) Chữ viết

Sáng tạo ra chữ viết riêng cho dân tộc mình là thành tựu văn hoá nổi bật của người Chăm. Sau một thời gian mượn chữ Phạn để ghi chép, từ thế kỉ thứ IV, người Chăm đã cải biên chữ viết của người Ấn Độ để tạo thành hệ thống chữ Chăm cổ.

b) Tín ngưỡng và tôn giáo

Người Chăm xưa theo nhiều tín ngưỡng thờ thần Mặt Trời, thần Núi, thần Nước, thần Lúa,..) và du nhập một số tôn giáo lớn từ bên ngoài (Phật giáo và Ấn Độ giáo,...)

Sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo góp phần tạo ra những thành tựu đặc sắc về kiến trúc và điêu khắc Chăm-pa. Nhiều di sản tiêu biểu còn tồn tại đến ngày nay như Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam) và nhiều đền tháp Chăm khác ở ven biển miền Trung nước ta.

c) Lễ hội:

Nhiều lễ hội được tổ chức trong năm đã minh chứng cho sự phong phú về đời sống văn hoá tinh thần của người Chăm xưa. Các lễ hội thường mang ý nghĩa nguyện cầu cho cuộc sống tốt đẹp, mùa màng bội thu, xã hội yên bình và hưng thịnh... tiêu biểu nhất là lễ hội Ka-tê.

2/ Nhận xét về những công trình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm xưa:

Kiến trúc Chăm có từ thế kỷ thứ I sau công nguyên, là sự phát triển nghệ thuật sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á, chịu ảnh hưởng tư tưởng đạo giáo Ấn Độ.

Nghệ thuật Chăm để lại dấu ấn mạnh mẽ trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trên văn bia, kiến trúc và điêu khắc.

Những tháp Chăm đậm vẻ uy nghiêm, thần bí đã hàm chứa rất nhiều giá trị nghệ thuật.

Tháp chùa có một dáng vẻ kiến trúc độc đáo, xây dựng bằng gạch đất nung, phản ánh trình độ một dân tộc có nền văn hóa cao.

Phản luyện tập và vận dụng

1/ Lập bảng tóm tắt những nét chính về hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội và thành tựu văn hoá của Chăm-pa.

2/ Liên hệ với kiến thức đã học ở những bài trước, em hãy so sánh những điểm giống và khác nhau trong hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa và cư dân Văn Lang - Âu Lạc.

3/ Hãy sưu tầm tư liệu và viết một đoạn giới thiệu về một di tích văn hoá Chăm ở nước ta. Theo em, cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích?

Hướng dẫn giải:

1/ Bảng tóm tắt những nét chính về hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội và thành tựu văn hoá của Chăm-pa:

Hoạt động kinh tế	Nông nghiệp trồng lúa nước, sản xuất các mặt hàng thủ công, khai thác các nguồn lợi tự nhiên trên rừng, khai thác lâm thổ sản, buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc và Ấn Độ, đi biển
Tổ chức xã hội	Vua thường được đồng nhất với một vị thần, có quyền lực tối cao, dưới vua là tế tướng và hai quan đại thần: một văn, một võ. Dưới đại thần là các quan đứng đầu ba cấp: châu – huyện – làng. Các tầng lớp: tầng lữ, quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.
Thành tựu văn hoá	Chữ Chăm cổ, tín ngưỡng thờ thần Mặt Trời, thần Núi, thần Nước, thần Lúa,...), tôn giáo: Phật giáo và Ấn Độ giáo, kiến trúc: Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam) và nhiều đền tháp Chăm khác ở ven biển miền Trung nước ta.

2/ Những điểm giống và khác nhau trong hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa và cư dân Văn Lang - Âu Lạc:

- Giống nhau:

+ Nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước, sử dụng sức kéo của trâu bò. Ngoài ra, cư dân còn chăn nuôi, làm các mặt hàng thủ công, đánh cá.

+ Có tập quán ở nhà sàn, có đời sống văn hoá phong phú gắn với sản xuất nông nghiệp.

- Khác nhau :

+ Ở cư dân Văn Lang - Âu Lạc thì nghề đúc đồng, làm gốm phát triển mạnh, trong khi đó cư dân Chăm-pa lại phát triển nghề khai thác lâm thổ sản, xây dựng đền tháp

+ Cư dân Văn Lang - Âu Lạc có tín ngưỡng phổ biến là sùng bái tổ tiên, thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc và những người có công với làng, nước. Trong khi đó ở quốc gia Chăm-pa do ra đời muộn hơn nên chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của đạo Bà-la-môn và Phật giáo.

3/ Di tích văn hoá Chăm: Phật viện Đồng Dương

Phật viện Đồng Dương là một trong những tu viện Phật giáo của vương quốc Chăm-pa, thuộc vào hàng tu viện lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á thời bấy giờ. Phật viện Đồng Dương được vua Indravarman II (Vương quốc Chăm-pa) xây dựng vào năm 875. Do lòng tin vào Phật giáo, nhà vua đã cho dựng lên một Phật viện (Vihara) và đền thờ Laksmindra Lokeshvara Svabhayada. Nổi bật nhất là bức tượng Phật bằng đồng cao hơn 1m. Nhận định chung bức tượng này được xem là nghệ thuật hoàn hảo và đẹp vào loại bậc nhất của khu vực Đông Nam Á. Khu đền thờ chính nằm trong một khu vực hình chữ nhật dài 326m, rộng 155m, xung quanh có tường gạch bao bọc, từ khu đền chính có một con đường dài khoảng 760m chạy về phía đông đến một thung lũng hình chữ nhật. Ngoài phần chánh điện được phát hiện hệ thống nền gạch của một khu tầng xá, giảng đường nổi nhau trên một chu vi rộng lớn, những viên ngói lợp các khu xây dựng cũng được phát hiện rải rác, chứng minh đây là mô hình Phật viện khép kín rất lý tưởng cho công cuộc đào tạo tăng tài. Mặc dù đã trở thành phế tích do ảnh hưởng nhiều bởi chiến tranh, Phật viện Đồng Dương vẫn còn ẩn chứa

hiều giá trị văn hóa lịch sử.

* Để bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử cần:

- + giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa, địa phương.
- + đi tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa
- + không vứt rác bừa bãi
- + tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật
- + tham gia các lễ hội truyền thống.
- + nhắc nhở, tuyên truyền với về tầm quan trọng và ý nghĩa của di sản văn hoá

-----o0o-----

BÀI 20 VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Phần mở đầu

Cách đây hơn 2 000 năm, ở vùng châu thổ sông Cửu Long nước ta đã xuất hiện một nền văn hoá rất đặc sắc – văn hoá Óc Eo. Trên cơ sở đó, một vương quốc cổ đã được hình thành với tên gọi Phù Nam. Hình dưới đây là những hiện vật liên quan đến vương quốc cổ đó. Theo em, những hiện vật này chứng tỏ điều gì về chủ nhân của vương quốc cổ này?

1. Sự hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam

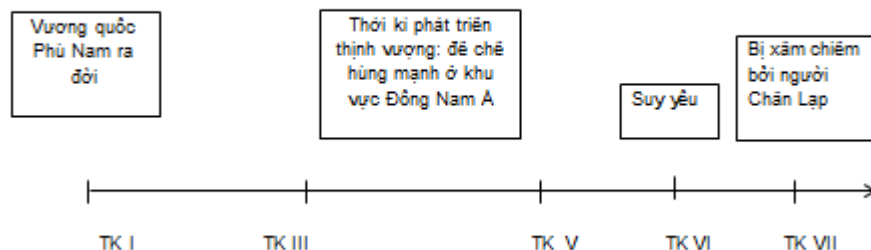
1/ Vương quốc Phù Nam ra đời ở đâu và vào thời gian nào?

2/ Lập đường thời gian thể hiện các mốc hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam

Hướng dẫn giải:

1/ Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I. Địa bàn châu yếu của Vương quốc Phù Nam là khu vực Nam Trung Bộ ngày nay. Thời kì đỉnh cao, phạm vi của Phù Nam được mở rộng, có thể bao gồm nhiều vùng đất thuộc một số nước Đông Nam Á ngày nay.

2/ Đường thời gian thể hiện các mốc hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam:



2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

1/ Hình 4. 5 và đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì về cư dân Phù Nam?

2/ Hãy cho biết những hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam.

3/ Xã hội Phù Nam gồm những tầng lớp nào và có những nét tương đồng nào so với xã hội Chăm-pa?

Hướng dẫn giải:

1/ Đoạn tư liệu trên được ghi lại bởi người Trung Quốc. Qua việc tiếp xúc khi sinh sống và giao thương buôn bán, họ có những nhận xét về tính cách, bản chất của người dân Phù Nam " mưu lược, nhưng tốt bụng và thật thà". Nghề nghiệp chủ yếu là buôn bán các mặt hàng chủ yếu là vàng, bạc, lụa...

2/ Những hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam:

Người Phù Nam làm nhiều nghề khác nhau như: trồng lúa nước, chăn nuôi gà , ợn, đánh bắt thủy, hải sản, làm đồ gỗ thủ công như đồ gốm, trang sức, đồ đựng bằng thủy tinh, luyện đồng và rèn sắt, chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí,...

Người Phù Nam giỏi buôn bán. Không chỉ trao đổi hàng hóa để tiêu dùng trong nước, người Phù Nam còn buôn bán với các thương nhân nước ngoài đến từ Trung Quốc, Chăm-pa, Mã Lai, Ấn Độ,...thông qua các cảng thị, tiêu biểu là Óc Eo.

3/ - Xã hội Phù Nam có sự phân hóa giàu nghèo thành 3 tầng lớp: quý tộc, bình dân và nô lệ
- Những nét tương đồng nào so với xã hội Chăm-pa:

Về kinh tế: đều phát triển nông nghiệp, kết hợp chăn nuôi và làm các nghề thủ công.

Chính trị: đều theo chế độ quân chủ, do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành. Cả nước chia thành các cơ sở hành chính để cai quản.

Xã hội: đã có sự phân hóa giàu nghèo, giai cấp.

Văn hóa: đời sống văn hóa, tinh thần, tín ngưỡng phong phú.

3. Một số thành tựu văn hóa

Hãy cho biết một số thành tựu văn hóa nổi bật của cư dân Phù Nam

Hướng dẫn giải:

Một số thành tựu văn hóa nổi bật của cư dân Phù Nam:

Tín ngưỡng: thờ đa thần, tiêu biểu là thờ thần Mặt Trời.

Tôn giáo: tiếp nhận tôn giáo từ Ấn Độ như Phật giáo và Ấn Độ giáo. Đặc biệt, từ Vương quốc Phù Nam, các tôn giáo này lại tiếp tục được truyền bá đến nhiều vùng đất khác ở Đông Nam Á.

Kiến trúc: nghề tạc tượng các vị thần Ấn Độ giáo và tượng Phật bằng đá và gỗ ở Phù Nam phát triển từ đầu Công nguyên, tạo nên một phong cách riêng - phong cách Phù Nam: tượng thần Vis-nu, tượng Phật bằng đá thuộc văn hóa Óc Eo (TK VI - VII)

Phương tiện đi lại: ghe, thuyền, thuận tiện trên kênh rạch, dùng ngựa, trâu, bò,... để kéo xe.

Chỗ ở: người Phù Nam dựng những ngôi nhà sàn rộng bằng gỗ trên mặt nước và lợp mái lá để chung sống hài hòa trong với môi trường sông nước và khí hậu nóng ẩm ở đây.

Phản luyện tập và vận dụng

1/ Hãy so sánh về hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội giữa cư dân Phù Nam và cư dân Chăm-pa.

2/ Dựa vào kiến thức đã học, em hãy suy luận về nguyên nhân khiến cho Vương quốc Phù Nam bị suy vong vào đầu thế kỉ VII.

3/ Theo em, nét văn hoá nào của cư dân Phù Nam xưa còn được lưu giữ trong đời sống của cư dân Nam Bộ hiện nay?

Hướng dẫn giải:

1/ Sự giống và khác nhau về hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội giữa cư dân Phù Nam và cư dân Chăm-pa.

Giống:

Chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước, sử dụng sức kéo của trâu bò. Ngoài ra, cư dân còn chăn nuôi, làm các mặt hàng thủ công, đánh cá.

Có tập quán ở nhà sàn, có đời sống văn hoá phong phú gắn với sản xuất nông nghiệp.

- Khác:

	Cư dân Chăm - pa	Cư dân Phù Nam
Hoạt động kinh tế	Nông nghiệp trồng lúa, công cụ sắt và sức kéo trâu bò, đã biết sử dụng guồng nước Các nghề thủ công khai thác làm thổ sản khá phát triển, đóng gạch, kĩ thuật xây tháp đạt trình độ cao	Sản xuất nông nghiệp, kết hợp làm nghề thủ công, đánh cá và buôn bán bằng Ngoại thương đường biển rất phát triển.
Tổ chức xã hội	Gồm quý tộc, dân tự do, nông dân lệ thuộc và nô lệ	Phân hóa thành: Quý tộc, bình dân và nô lệ

2/ Nguyên nhân khiến cho Vương quốc Phù Nam bị suy vong vào đầu thế kỉ VII:

Phù Nam không phải là một đế quốc đã được tổ chức chặt chẽ, thống nhất dưới một bộ máy cai trị có quyền lực mạnh mẽ, mà chỉ là một tập hợp lỏng lẻo những tiểu quốc với tư cách nước chư hầu.

Mối quan hệ giữa chính quốc Phù Nam với các tiểu quốc chư hầu hết sức lỏng lẻo và chỉ được duy trì bằng sức mạnh quân sự chinh phục và đàn áp, đi đôi với việc cướp bóc của cải và bắt người về làm nô lệ.

Việc Phù Nam hay đi đánh phá để cướp bóc các nước láng giềng đã làm hao tổn nhân, tài, vật lực của vương quốc khiến vương quốc ngày càng suy yếu.

Một số tài liệu cho rằng, người Phù Nam di cư cùng với hai khả năng: Bộ phận những người mà tổ tiên xưa từ biển vào, nay họ lại trở ra biển, về lại Mã Lai hay đảo Java, một bộ phận đi lên phía Nam Trường Sơn, sống chung với đồng bào của mình, trở thành những tộc người Nam Trường sơn hôm nay như đồng bào Mạ.

=> Tất cả dẫn đến sự diệt vong của vương quốc Phù Nam trong thế kỷ thứ VII.

3/ Hiện nay người dân Nam Bộ vẫn dùng ghe, thuyền để đi lại trên kênh, rạch. Họ vẫn dựng những ngôi nhà sàn rộng trên mặt nước. Họ buôn bán và sinh hoạt, ăn ngủ tại đó. Các mặt hàng buôn bán thì rất đa dạng.

